

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD

Số: 1366/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 684/KH-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 1322/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/9/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Quản trị Du lịch và Khách sạn dạy và học bằng Tiếng Anh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (Khóa 22) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để c/đ);
- Như điều 3 (để t/h);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	QUẢN TRỊ DU LỊCH VÀ KHÁCH SẠN DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	BACHELOR OF TOURISM AND HOSPITALITY MANAGEMENT CONDUCTED IN ENGLISH
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành
5	Mã ngành	7810103
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế và QTKD
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4,5 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127 TC (không tính các học phần tiếng Anh bắt buộc)
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Anh
11	Website	http://tueba.edu.vn http://iie.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên; c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời

TT	Tiêu đề	Nội dung
		gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch Tiếng Anh: Bachelor of Tourism and Hospitality Management)
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: Nhóm 1. Làm việc trực tiếp tại công ty du lịch, khách sạn, nhà hàng: Sinh viên sau khi ra trường sẽ có thể làm việc ở các công ty du lịch nội địa và quốc tế, các khách sạn 4, 5 sao hoặc các nhà hàng cao cấp, nhiều khách nước ngoài và yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ cao như: <ul style="list-style-type: none">- Nhân viên khách sạn- Nhân viên nhà hàng/Chủ nhà hàng- Nhân viên bộ phận lễ tân- Nhân viên kinh doanh- Nhân viên F&B/sự kiện- Điều hành Tour du lịch Nhóm 2. Chuyên viên tư vấn và hoạch định chính sách phát triển du lịch: Chuyên viên tại các bộ, sở, ban, ngành liên quan, các tổ chức tư vấn du lịch trong và ngoài nước: tư vấn viên, trợ lý phân tích, lập báo cáo về thị trường, tham gia xây dựng chính sách phát triển du lịch; chuyên gia phân tích và tư vấn về du lịch.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Cử nhân Du lịch và Khách sạn (Việt-Anh), ĐHK Kinh tế TP.HCM (UEH) CTĐT Cử nhân Quản trị Du lịch và Khách sạn (Hospitality Management), ĐHK Kinh tế Quốc dân (NEU) CTĐT Bachelor of International Tourism and Hotel Management, Griffith University (Australia)
18	Thông tin kiểm định CTĐT	CTĐT ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục bởi Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á ngày 13 tháng 04 năm 2025

TT	Tiêu đề	Nội dung
19	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 9/2025

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị Du lịch và Khách sạn có phẩm chất chính trị, sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cao đáp ứng nhu cầu ngành du lịch, khách sạn trong bối cảnh toàn cầu hoá; có khả năng phân tích, đánh giá, và giải quyết các vấn đề có liên quan. Sinh viên có năng lực tự nghiên cứu, tổ chức và triển khai hiệu quả kế hoạch, hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp.

2.2 Mục tiêu cụ thể

PO1. Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh, những kiến thức tổng quát về tự nhiên, văn hoá, xã hội liên quan đến du lịch, những kiến thức chuyên sâu trong quản trị kinh doanh du lịch và khách sạn.

PO2. Trang bị cho người học những kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm thiết yếu, sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong thực tế hoạt động quản trị du lịch và khách sạn và có tư duy khởi nghiệp.

PO3. Hình thành năng lực tự chủ, phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt và trách nhiệm với công việc. Rèn luyện cho người học khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường năng động, sáng tạo.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra kiến thức	
PLO1	Vận dụng được kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội, luật pháp, văn hóa và môi trường kinh doanh du lịch – khách sạn trong nước và quốc tế.	3
PI1.1	Sinh viên hiểu và giải thích được các khái niệm, nguyên lý cơ bản của kinh tế học, xã hội học, văn hóa học, và luật pháp có liên quan đến lĩnh vực du lịch – khách sạn; nhận biết được ảnh hưởng của các yếu tố này đến hoạt động kinh doanh du lịch – khách sạn trong bối cảnh Việt Nam và toàn cầu.	3
PI1.2	Sinh viên phân tích và vận dụng được kiến thức về cơ cấu, xu hướng và đặc điểm của môi trường kinh doanh du lịch – khách sạn; đánh giá được tác động của yếu tố kinh tế, xã hội, văn hóa và pháp lý đến hoạt động quản trị và ra quyết định trong doanh nghiệp du lịch – khách sạn.	3
PLO2	Áp dụng linh hoạt kiến thức chuyên sâu về quản trị, tài chính,	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	marketing, và vận hành trong doanh nghiệp du lịch – khách sạn.	
PI2.1	Sinh viên vận dụng được các lý thuyết, mô hình và công cụ quản trị trong việc lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp du lịch – khách sạn; đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nguồn nhân lực và chất lượng dịch vụ.	3
PI2.2	Sinh viên phân tích và vận dụng được các nguyên lý tài chính – kế toán và marketing trong việc ra quyết định kinh doanh, đánh giá được hiệu quả tài chính và thiết kế các chiến lược marketing phù hợp với thị trường du lịch – khách sạn trong nước và quốc tế.	3
PI2.3	Sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình vận hành, tiêu chuẩn chất lượng và quy trình dịch vụ trong doanh nghiệp du lịch – khách sạn; đề xuất được các giải pháp nâng cao trải nghiệm khách hàng và tối ưu hóa quy trình vận hành.	3
PLO3	Ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) và hệ thống quản lý khách sạn – du lịch để nâng cao hiệu quả hoạt động.	3
PI3.1	Sinh viên vận dụng được các phần mềm và hệ thống quản lý trong lĩnh vực du lịch – khách sạn chuyên ngành để quản lý thông tin, đặt phòng, dịch vụ khách hàng và quy trình vận hành; phân tích được dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định quản trị.	3
PI3.2	Sinh viên hiểu và vận dụng được các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (Big Data Analytics), Internet vạn vật (IoT), và thực tế ảo (VR/AR) trong việc nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa hoạt động và đổi mới mô hình kinh doanh du lịch – khách sạn.	3
PLO4	Hiểu và vận dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực du lịch, khách sạn và dịch vụ (ISO, HACCP, ASEAN Tourism Standards...).	3
PI4.1	Sinh viên hiểu và phân tích được nội dung, nguyên tắc và phạm vi áp dụng của các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001 (quản lý chất lượng), ISO 14001 (quản lý môi trường), HACCP (an toàn thực phẩm), và ASEAN Tourism Standards trong lĩnh vực du lịch – khách sạn; nhận biết được vai trò của các tiêu chuẩn này trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và uy tín doanh nghiệp.	3
PI4.2	Sinh viên vận dụng được các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, HACCP, ASEAN Tourism Standards, v.v.) trong xây dựng quy trình quản lý chất lượng, quản lý môi trường, an toàn thực phẩm và dịch vụ khách hàng; đề xuất được các biện pháp cải tiến hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường quốc tế và phát triển bền vững.	3
PLO5	Nhận thức và vận dụng kiến thức về phát triển du lịch bền vững, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.	3
PI5.1	Sinh viên hiểu và phân tích được các khái niệm, nguyên tắc, mô hình và tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững của các tổ chức quốc tế (như UNWTO, UNESCO, ASEAN, WTTC...); nhận biết được mối quan hệ giữa phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa và bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch – khách sạn.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI5.2	Sinh viên vận dụng được các kiến thức về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR), đạo đức nghề nghiệp và công bằng xã hội trong việc thiết kế, quản lý và cung cấp sản phẩm – dịch vụ du lịch – khách sạn; đề xuất được các hoạt động góp phần phát triển cộng đồng địa phương và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp.	3
PI5.3	Sinh viên hiểu, phân tích và vận dụng được các giải pháp và công cụ quản lý môi trường (như đánh giá vòng đời sản phẩm – LCA, quản lý chất thải, tiết kiệm năng lượng, sử dụng vật liệu thân thiện môi trường) nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của hoạt động du lịch – khách sạn đối với môi trường tự nhiên và xã hội.	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO6	Thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ cơ bản trong hoạt động khách sạn, nhà hàng, lữ hành và dịch vụ du lịch.	3
PI6.1	Sinh viên thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản trong khách sạn và nhà hàng như lễ tân (front office), buồng phòng (housekeeping), phục vụ ăn uống (F&B service), và chế biến món ăn (culinary operations); ứng dụng được quy trình phục vụ chuyên nghiệp, an toàn vệ sinh, và tiêu chuẩn quốc tế trong vận hành.	3
PI6.2	Sinh viên vận dụng thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ trong lĩnh vực lữ hành và du lịch như thiết kế và điều hành tour, hướng dẫn du lịch, quản lý sự kiện, chăm sóc khách hàng, và xử lý tình huống phát sinh; áp dụng được các công cụ và phần mềm hỗ trợ (Travel Management System, CRM, OTA, v.v.) trong công việc thực tế.	3
PLO7	Sử dụng thành thạo ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) và ngoại ngữ 2 (Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn), đặc biệt trong giao tiếp chuyên môn và phục vụ khách quốc tế.	4
PI7.1	Sinh viên sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp chuyên môn, học thuật và nghiệp vụ thuộc lĩnh vực du lịch – khách sạn; viết, trình bày và thuyết trình được các báo cáo, kế hoạch kinh doanh và dịch vụ du lịch bằng tiếng Anh; đạt tối thiểu chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương B2 theo Khung CEFR (hoặc IELTS 5.5–6.0).	4
PI7.2	Sinh viên sử dụng được ngoại ngữ thứ hai (Nhật, Trung, hoặc Hàn) trong các tình huống giao tiếp cơ bản và nghiệp vụ du lịch – khách sạn như chào hỏi, hướng dẫn, giới thiệu dịch vụ, và xử lý yêu cầu của khách; thể hiện được sự tự tin và hiểu biết văn hóa giao tiếp đa quốc gia trong phục vụ khách quốc tế.	3
PLO8	Phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán và giải quyết xung đột trong môi trường du lịch quốc tế đa văn hóa.	3
PLO9	Ứng dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, lập kế hoạch, kiểm soát chất lượng và đánh giá trải nghiệm khách hàng.	3
PI9.1	Sinh viên thu thập, xử lý và phân tích được dữ liệu liên quan đến thị trường, khách hàng và hoạt động kinh doanh du lịch – khách sạn bằng các công cụ hỗ trợ (Excel, SPSS, Power BI, v.v.); lập kế hoạch và dự báo được các hoạt động kinh doanh, marketing, nhân sự hoặc sự kiện dựa trên kết quả phân tích dữ liệu thực tế.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI9.2	Sinh viên vận dụng được các phương pháp và công cụ kiểm soát chất lượng dịch vụ (như SERVQUAL, Mystery Guest, KPI, ISO standards) và đánh giá mức độ hài lòng, trải nghiệm của khách hàng; đề xuất được các giải pháp cải tiến chất lượng dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng trong doanh nghiệp du lịch – khách sạn.	3
PLO10	Thực hành kỹ năng khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực du lịch – khách sạn, gắn với bối cảnh số hóa.	3
PI10.1	Sinh viên nhận diện được cơ hội thị trường, phân tích được xu hướng và nhu cầu khách hàng, từ đó hình thành và phát triển ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực du lịch – khách sạn; xây dựng được mô hình kinh doanh khả thi dựa trên các công cụ như <i>Business Model Canvas</i> , <i>Design Thinking</i> , và <i>Lean Startup</i> .	3
PI10.2	Sinh viên vận dụng được các công nghệ số (AI, Big Data, IoT, Blockchain, nền tảng số...) để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ hoặc giải pháp đổi mới sáng tạo trong du lịch – khách sạn; đánh giá được tiềm năng, tính khả thi và tác động của các sáng kiến đổi mới đối với hoạt động kinh doanh và trải nghiệm khách hàng.	3
PI10.3	Sinh viên xây dựng được kế hoạch khởi nghiệp chi tiết (mục tiêu, chiến lược, tài chính, marketing, nhân sự); huy động được nguồn lực (đối tác, tài chính, công nghệ, nhân lực) để triển khai dự án; thuyết trình và bảo vệ được ý tưởng, kế hoạch kinh doanh bằng tiếng Anh trước nhà đầu tư hoặc hội đồng chuyên môn.	3
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức và quy định nghề nghiệp trong ngành du lịch – khách sạn.	4
PI11.1	Sinh viên hiểu và tuân thủ được các quy định pháp luật, quy chế quản lý, tiêu chuẩn nghề nghiệp, và chính sách liên quan đến hoạt động du lịch – khách sạn ở Việt Nam và quốc tế; vận dụng được các quy định đó trong quá trình làm việc, đặc biệt về hợp đồng lao động, an toàn lao động, bảo vệ quyền lợi khách hàng và doanh nghiệp.	4
PI11.2	Sinh viên nhận thức và thể hiện được các giá trị đạo đức nghề nghiệp như trung thực, tôn trọng, công bằng, minh bạch, và trách nhiệm xã hội trong giao tiếp, phục vụ và quản lý; ứng xử chuyên nghiệp với khách hàng, đồng nghiệp, đối tác và cộng đồng theo chuẩn mực quốc tế của ngành du lịch – khách sạn.	4
PLO12	Chủ động học tập suốt đời, cập nhật công nghệ và thích ứng với thay đổi của thị trường du lịch toàn cầu.	3
PI12.1	Sinh viên xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập cá nhân, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng và xu hướng mới trong lĩnh vực du lịch – khách sạn; tự nghiên cứu và khai thác được các nguồn học liệu số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các khóa học trực tuyến để nâng cao năng lực nghề nghiệp.	3
PI12.2	Sinh viên chủ động tiếp cận và ứng dụng được các công nghệ mới (AI, Big Data, Blockchain, IoT, hệ thống quản lý thông minh, nền tảng số...) trong hoạt động học tập, nghiên cứu và công việc; thích	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	ứng được với môi trường làm việc thay đổi nhanh chóng trong kỷ nguyên du lịch thông minh và kinh tế số.	
PLO13	Thể hiện tinh thần trách nhiệm, hợp tác, sáng tạo và khả năng làm việc dưới áp lực trong môi trường dịch vụ.	3
PI13.1	Sinh viên thể hiện được tinh thần trách nhiệm cá nhân và tập thể, tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm trong học tập và thực tiễn nghề nghiệp; hợp tác và giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, cấp trên, khách hàng và đối tác trong môi trường đa văn hóa; đóng góp được vào việc đạt mục tiêu chung của nhóm hoặc tổ chức.	3
PI13.2	Sinh viên thể hiện được tư duy sáng tạo, linh hoạt và khả năng giải quyết vấn đề trong các tình huống phức tạp của ngành dịch vụ; quản lý được thời gian, cảm xúc và áp lực công việc trong bối cảnh phục vụ khách hàng, sự kiện hoặc khủng hoảng; đề xuất được các giải pháp sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả công việc.	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
A	KHÓA HỌC TIẾNG ANH DỰ BỊ				x	x								
B	KHÓA HỌC CHÍNH THỨC													
I	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		32											
1	MLP131	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Maxism - Leninism)	3	Tiếng Việt	3									
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Maxism - Leninism)	2	Tiếng Việt		2								
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	Tiếng Việt			2							
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	Tiếng Việt				2						
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Revolution Lines of Vietnam Communist Party)	2	Tiếng Việt					2					
6	ICS131	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp (Ideas, Creativity and Starups)	3	Tiếng Anh				3						
7	ICO131	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	Tiếng Anh					3					
8	SFL131	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language)	3	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn	3									
9	AFL131	Ngoại ngữ 2 nâng cao (Advanced Second Foreign Language)	3	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn		3								
10	PTS131	Lý thuyết xác suất và thống kê (Probability Theory and Statistics)	3	Tiếng Anh			3							
11	EMA131	Toán kinh tế (Economic Mathematics)	3	Tiếng Anh				3						
12	AIA131	Ứng dụng công nghệ thông tin và AI (Application of information technology and AI)	3	Tiếng Anh			3							
13	PHE111	Giáo dục thể chất I (Physical Education I)	30 tiết	Tiếng Việt	x									

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ										
					I		II		III		IV		V		
					1	2	3	4	5	6	7	8	9		
14	PHE112	Giáo dục thể chất II (Physical Education II)	30 tiết	Tiếng Việt		x									
15	PHE113	Giáo dục thể chất III (Physical Education III)	30 tiết	Tiếng Việt			x								
16		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	Tiếng Việt			x								
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP														
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		32												
	Bắt buộc		24												
17	MIC231	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	Tiếng Anh			3								
18	MAE231	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	Tiếng Anh				3							
19	BEN231	Tiếng Anh chuyên ngành (Business English)	3	Tiếng Anh		3									
20	BUS231	Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics)	3	Tiếng Anh					3						
21	MGN231	Quản trị học (Management)	3	Tiếng Anh			3								
22	FIN231	Nhập môn tài chính (Introduction to Finance)	3	Tiếng Anh				3							
23	MAR231	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	3	Tiếng Anh				3							
24	ACC231	Kế toán căn bản (Introduction to accounting)	3	Tiếng Anh					3						
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8				4		4						
25	MDM241	Ra quyết định quản trị (Managerial Decision Making)	4	Tiếng Anh											
26	MCS341	Hệ thống thông tin quản lý (Managerial Communication System)	4	Tiếng Anh											
27	ECO241	Kinh tế lượng (Econometrics)	4	Tiếng Anh											
28	BLA241	Luật kinh doanh (Business Law)	4	Tiếng Anh											
29	DBM241	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý (Drafting Business and	4	Tiếng Anh											

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
		Management Document)												
30	RME241	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Method)	4	Tiếng Anh										
II.2	Kiến thức ngành		24											
	Bắt buộc		16											
31	GET341	Địa lý du lịch (Geography Tourism)	4	Tiếng Anh					4					
32	EMA341	Quản trị sự kiện (Event Management)	4	Tiếng Anh						4				
33	TVB341	Hành vi người tiêu dùng (Consumer Behaviours)	4	Tiếng Anh							4			
34	ECM341	Thương mại điện tử (E-commerce)	4	Tiếng Anh						4				
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8						4		4			
35	BEC341	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (Business Ethics and Corporate Culture)	4	Tiếng Anh										
36	HSB341	Doanh nghiệp du lịch, khách sạn nhỏ (Hospitality Small Business Enterprises)	4	Tiếng Anh										
37	MAS341	Kỹ năng quản trị (Management Skills)	4	Tiếng Anh										
38	INE341	Kinh tế quốc tế (International Economics)	4	Tiếng Anh										
39	CIB341	Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in Business)	4	Tiếng Anh										
40	LTG341	Luật và Hướng dẫn du lịch (Law and Tour guide)	4	Tiếng Anh										
II.3	Kiến thức chuyên ngành		20											
	Bắt buộc		12											
41	HMA341	Quản trị khách sạn (Hospitality Management)	4	Tiếng Anh						4				
42	TGO341	Thiết kế và quản lý tour (Tour Design and Operation)	4	Tiếng Anh								4		

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
43	SQM341	Quản trị chất lượng trong Du lịch (Service Quality Management in Tourism)	4	Tiếng Anh								4		
Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 07 học phần)			8									4	4	
44	HWC341	Lịch sử văn minh thế giới (History of World Civilization)	4	Tiếng Anh										
45	IBU341	Kinh doanh quốc tế (International Business)	4	Tiếng Anh										
46	HRS341	Công nghệ phục vụ khách sạn nhà hàng (Hospitality and restaurant Service Technology)	4	Tiếng Anh										
47	ECT341	Du lịch sinh thái (Eco-Tourism)	4	Tiếng Anh										
48	SMA341	Marketing dịch vụ (Service Marketing)	4	Tiếng Anh										
49	DMA341	Marketing số và truyền thông xã hội (Digital Marketing and Social Marketing)	4	Tiếng Anh										
50	TDR341	Điểm, tuyến du lịch (Tourism Destinations and Routes)	4	Tiếng Anh										
II.4	SPR321	Thực tế trải nghiệm (Seminar Practicum)	2	Tiếng Anh								2		
II.5	PRA421	Thực tập môn học (Practicum)	2	Tiếng Anh									2	
II.6	INT441	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	4	Tiếng Anh										4
II.7	THE904	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8	Tiếng Anh										8
Sinh viên chọn 02 trong số 04 học phần tự chọn thay thế KLTN			8											8
51	SCM341	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	4	Tiếng Anh										
52	CRM341	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	4	Tiếng Anh										
53	SMA341	Marketing dịch vụ (Service Marketing)	4	Tiếng Anh										

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
54	IMA341	Marketing quốc tế (International Marketing)	4	Tiếng Anh										
		Khối kiến thức bổ trợ (Chọn 01 trong 03 học phần)	3									3		
55	AAB331	Ứng dụng AI trong doanh nghiệp (AI Applications in Business)	3	Tiếng Anh										
56	DTB331	Chuyển đổi số hoạt động doanh nghiệp (Digital Transformation of Business Operations)	3	Tiếng Anh										
57	MIA331	Marketing trong kỷ nguyên AI (Marketing in the AI Era)	3	Tiếng Anh										
		Tổng tín chỉ toàn khoá	127		6	8	18	17	20	15	18	13	12	

Ghi chú:

- Đối với các sinh viên là người nước ngoài, các học phần học bằng ngôn ngữ tiếng Việt (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam) được giảng dạy và học bằng tiếng Anh.

-Đối với các học phần số thứ tự: 6, 7, 10,11, 12, 26, 27, 28, 29, 30, 34, 35, 38, 40, 43, 44, 48, 50, 54, 55, 56, 57 trong khung chương trình đào tạo, căn cứ vào nhu cầu và nguyện vọng của sinh viên có thể được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

- Học phần được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Việt phụ thuộc vào tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ học của học phần đó, nếu tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ nào nhiều hơn thì thực hiện giảng dạy bằng ngôn ngữ đó. Trường hợp tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ tiếng Anh/tiếng Việt là 50% thì Viện trưởng Quốc tế Giáo dục và Đổi mới quyết định ngôn ngữ giảng dạy đối với học phần.

Danh sách cá nhân xử lý

STT	Người xử lý	Đơn vị	Thời gian	Ý kiến
1	Trường Đại học Kinh tế và QTKD		04/11/2025 07:29:04	Đã đóng dấu
2	Đinh Hồng Linh	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	04/11/2025 05:12:21	
3	Văn thư ĐHKQTQTKD	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:55:08	
4	Nguyễn Đức Dũng	Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:20:38	

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 684/KH-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 1322/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/9/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Tài chính dạy và học bằng Tiếng Anh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (Khóa 22) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để c/đ);
- Như điều 3 (để t/h);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	TÀI CHÍNH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	Finance (Conducted in English)
3	Trình độ đào tạo	Cử nhân
4	Ngành đào tạo	Tài chính - Ngân hàng
5	Mã ngành	7340201
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4,5 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127 tín chỉ (Không tính các học phần tiếng anh bắt buộc)
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Anh
11	Website	http://iie.tueba.edu.vn/
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng Tiếng Anh: Bachelor of Finance - Banking
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: * Nhóm 1: Chuyên viên - Chuyên viên tín dụng, chuyên viên đầu tư, chuyên viên quản lý rủi ro, chuyên viên dịch vụ khách hàng, chuyên viên thẩm định tín dụng, kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế... tại các định chế tài chính trong và ngoài nước. - Chuyên viên kinh doanh, môi giới, đầu tư, phân tích đầu tư, phân tích tài chính... tại các quỹ tín dụng, quỹ đầu tư, công ty chứng

TT	Tiêu đề	Nội dung
		<p>khoán, quỹ bảo hiểm, công ty bảo hiểm và các định chế tài chính khác.</p> <ul style="list-style-type: none">- Chuyên viên tài chính, phân tích tài chính, quản lý tài chính tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế - xã hội; chuyên viên tài chính tại các cơ quan quản lý Nhà nước, các đơn vị hành chính – sự nghiệp.- Triển vọng trong tương lai, người học có thể trở thành Trưởng bộ phận hoặc Giám đốc tài chính. <p>* Nhóm 2: Nhà đầu tư và Chủ doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhà đầu tư tài chính- Nhà phân tích đầu tư tài chính- Chủ doanh nghiệp, start-up <p>* Nhóm 3: Giảng viên và nghiên cứu viên</p> <ul style="list-style-type: none">- Giảng viên, nghiên cứu viên và trợ giảng tại các viện, trung tâm nghiên cứu, cơ sở giáo dục đào tạo trong và ngoài nước. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành giảng viên, nghiên cứu viên cao cấp trong lĩnh vực Tài chính.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có khả năng tiếp tục tham gia nghiên cứu, học tập các chương trình đào tạo chuyên sâu đại học ngành Kinh tế, Tài chính Ngân hàng (Thạc sĩ, Tiến sĩ) tại nước ngoài và các cơ sở đào tạo chất lượng cao tại Việt Nam hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Cử nhân Ngân hàng và Tài chính (Tiếng Anh), Học viện Ngân hàng (BA) CTĐT Cử nhân Tài chính và Ngân hàng (Chương trình tiên tiến, tiếng Anh), ĐH Ngoại thương (FTU) CTĐT Bachelor of Finance, Monash University (Australia)
18	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	
19	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 9/2025

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính, chương trình đào tạo Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh có bản lĩnh chính trị vững vàng, có sức khỏe tốt; có đạo đức nghề nghiệp; có trách nhiệm xã hội; có kiến thức cơ sở và bổ trợ về kinh tế, quản trị và quản lý; có kiến thức chuyên môn toàn diện về tài chính; có tư duy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; có khả năng làm việc và thích ứng tốt với môi trường làm việc năng động trong các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp, các định chế tài chính trong nước và quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Đào tạo cử nhân ngành Tài chính, chương trình đào tạo Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh có đầy đủ kiến thức lý thuyết và thực tiễn về: Lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên - xã hội; Kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế, quản trị, quản lý và chuyên ngành tài chính, bao gồm tài chính doanh nghiệp, tài chính quốc tế, thuế, thị trường chứng khoán, và quản trị rủi ro; Khả năng nghiên cứu, ứng dụng, và chuyển giao các giải pháp tài chính trong môi trường kinh doanh hội nhập quốc tế.

PO2: Đào tạo cử nhân ngành Tài chính, chương trình đào tạo Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh với các kỹ năng: Kỹ năng chuyên môn: Phân tích tài chính, quản trị tài chính, định giá tài sản, và ra quyết định đầu tư; Kỹ năng nghề nghiệp: Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, tư duy phản biện, và giải quyết vấn đề; Kỹ năng bổ trợ: Thành thạo tiếng Anh chuyên ngành tài chính và sử dụng các công cụ công nghệ hiện đại hỗ trợ hoạt động tài chính trong môi trường cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

PO3: Đào tạo cử nhân ngành Tài chính, chương trình đào tạo Tài chính dạy và học bằng tiếng Anh với các phẩm chất: Đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội, và tuân thủ pháp luật trong mọi hoạt động chuyên môn; Ý thức học tập suốt đời, nâng cao năng lực và trình độ cá nhân trong bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa; Năng lực làm việc độc lập, lãnh đạo nhóm, bảo vệ và chịu trách nhiệm về các quyết định cá nhân hoặc nhóm trong môi trường làm việc áp lực cao và năng động.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Vận dụng kiến thức nền tảng về kinh tế học, tài chính – kế toán, quản trị và môi trường pháp lý – kinh doanh trong nước và quốc tế để phân tích các vấn đề thực tiễn của lĩnh vực tài chính, đặc biệt trong bối cảnh sử dụng tiếng Anh.	2
PI1.1	Hiểu và vận dụng kiến thức về hệ thống chính trị – pháp luật, cấu trúc nhà nước và xã hội vào giải quyết tình huống nghề nghiệp	2

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	trong lĩnh vực tài chính.	
PI1.2	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, xã hội, kinh tế học và tài chính – kế toán để phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn tài chính.	2
PLO2	<i>Vận dụng linh hoạt kiến thức và nguyên lý kinh tế, quản trị, quản lý vào giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, quốc gia và quốc tế.</i>	3
PI2.1	Áp dụng kiến thức kinh tế học và quản trị để phân tích các vấn đề tài chính ở cấp độ doanh nghiệp, bao gồm hoạch định ngân sách, phân tích chi phí – lợi ích và cấu trúc vốn.	3
PI2.2	Vận dụng nguyên lý tài chính công và quản lý nhà nước để đánh giá các chính sách tài khóa, nợ công và hiệu quả phân bổ nguồn lực ở cấp độ quốc gia.	3
PI2.3	Phân tích các vấn đề tài chính quốc tế như tỷ giá hối đoái, đầu tư xuyên biên giới và các chuẩn mực tài chính toàn cầu, dựa trên tư duy liên ngành và hiểu biết về môi trường kinh tế toàn cầu.	3
PLO3	<i>Vận dụng kiến thức chuyên sâu về tài chính để phân tích, lập kế hoạch và ra quyết định tài chính cho tổ chức.</i>	3
PI3.1	Phân tích và đánh giá hiệu quả tài chính của tổ chức dựa trên các báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính trọng yếu.	3
PI3.2	Lập kế hoạch tài chính trung và dài hạn, bao gồm dự toán ngân sách, quản trị vốn lưu động và hoạch định dòng tiền.	3
PI3.3	Đưa ra quyết định tài chính chiến lược trong các lĩnh vực như đầu tư, tài trợ vốn, quản trị rủi ro tài chính, dựa trên phân tích định lượng và định tính.	3
PLO4	<i>Vận dụng thành thạo công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo và thực hiện các quy trình nghiệp vụ trong kinh doanh và quản lý để xử lý hiệu quả các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực tài chính</i>	3
PI4.1	Sử dụng thành thạo các phần mềm và công cụ công nghệ thông tin (như Excel nâng cao, phần mềm kế toán – tài chính, phần mềm phân tích dữ liệu) để hỗ trợ ra quyết định tài chính.	3
PI4.2	Ứng dụng các công cụ phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc dự báo tài chính và đánh giá rủi ro.	3
PI4.3	Thực hiện các quy trình nghiệp vụ tài chính – kế toán và kiểm soát nội bộ theo chuẩn mực chuyên ngành, đảm bảo hiệu quả và tuân thủ quy định pháp lý..	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO5	<i>Sử dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản phục vụ công việc trong ngành tài chính.</i>	3
PI5.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp hiệu quả ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh trong môi trường học thuật và nghề nghiệp tài chính.	3
PI5.2	Sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng và phần mềm chuyên dụng (Excel, PowerPoint, phần mềm kế toán – tài chính) trong xử lý dữ liệu và báo cáo tài chính.	3
PI5.3	Áp dụng các kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và quản lý thời gian để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực tài chính.	3
PLO6	<i>Sở hữu kỹ năng nghề nghiệp và chuyên môn vững vàng đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong lĩnh vực tài chính.</i>	3
PI6.1	Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn trong tài chính như phân tích tài chính, quản trị vốn, lập ngân sách, và định giá tài sản.	3
PI6.2	Vận dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, sử dụng phần mềm chuyên dụng và công cụ phân tích định lượng trong các tình huống nghề nghiệp cụ thể.	3
PI6.3	Thích ứng nhanh với các yêu cầu thay đổi trong môi trường tài chính thực tiễn và áp dụng kiến thức, kỹ năng để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả, chuyên nghiệp.	2
PLO7	<i>Hình thành ý tưởng và khả năng triển khai khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh tế – tài chính.</i>	3
PI7.1	Phát hiện và đánh giá các cơ hội kinh doanh trong lĩnh vực tài chính – kinh tế dựa trên nhu cầu thị trường, xu hướng công nghệ và chính sách vĩ mô.	3
PI7.2	Xây dựng và trình bày kế hoạch kinh doanh khả thi, bao gồm mô hình tài chính, chiến lược gọi vốn và phương án quản trị rủi ro.	3
PI7.3	Vận dụng kiến thức chuyên môn và kỹ năng liên ngành để triển khai, điều hành và phát triển các dự án khởi nghiệp trong môi trường thực tiễn.	3
PLO8	<i>Làm việc hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.</i>	3
PI8.1	Thể hiện khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh và/hoặc ngôn ngữ quốc tế khác trong bối cảnh chuyên môn và làm việc nhóm đa quốc gia.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI8.2	Hiểu và tôn trọng sự đa dạng về văn hóa, phong cách làm việc và quan điểm trong môi trường quốc tế; có khả năng điều chỉnh hành vi giao tiếp và phối hợp phù hợp.	3
PI8.3	Tham gia tích cực vào các hoạt động hợp tác, thảo luận, đàm phán hoặc giải quyết vấn đề trong các nhóm làm việc đa văn hóa và liên quốc gia.	3
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	<i>Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực xã hội và quy định của tổ chức trong hoạt động học tập, nghề nghiệp và ứng xử xã hội.</i>	3
PI9.1	Thể hiện sự tuân thủ pháp luật và quy định hiện hành trong các hoạt động học thuật và nghề nghiệp tài chính.	3
PI9.2	Tuân thủ quy chế, nội quy và quy định của tổ chức, cơ quan trong quá trình thực tập, làm việc hoặc tham gia các hoạt động thực tế.	3
PI9.3	Hành xử văn minh, có trách nhiệm với cộng đồng và tôn trọng các chuẩn mực đạo đức, văn hóa xã hội trong môi trường học tập và làm việc.	3
PLO10	<i>Thể hiện tinh thần trách nhiệm, khả năng thích ứng và năng lực làm việc hiệu quả dưới áp lực trong môi trường tài chính chuyên nghiệp.</i>	3
PI10.1	Rèn luyện sức khỏe để đáp ứng yêu cầu công việc hiệu quả.	3
PI10.2	Thích ứng với điều kiện làm việc thay đổi, quản lý khối lượng công việc lớn và áp lực cao.	3
PI10.3	Thể hiện tính trung thực, tự tin, sáng tạo và đam mê nghề nghiệp.	3
PLO11	<i>Cam kết học tập suốt đời để phát triển bản thân và thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi.</i>	
PI11.1	Chủ động cập nhật kiến thức chuyên môn và kỹ năng mới thông qua nhiều hình thức học tập khác nhau (chính quy, không chính quy, học trực tuyến, tự học...).	3
PI11.2	Tự đánh giá năng lực bản thân, xác định nhu cầu học tập và xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp phù hợp với xu hướng ngành tài chính.	3
PI11.3	Thể hiện khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường làm việc, công nghệ và bối cảnh kinh tế – xã hội bằng tư duy mở và tinh thần cầu tiến.	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
A	KHÓA HỌC TIẾNG ANH DỰ BỊ				x	x								
B	KHÓA HỌC CHÍNH THỨC													
I	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		32											
1	MLP131	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Maxism - Leninism)	3	Tiếng Việt	3									
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Maxism - Leninism)	2	Tiếng Việt		2								
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	Tiếng Việt			2							
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	Tiếng Việt				2						
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Revolution Lines of Vietnam Communist Party)	2	Tiếng Việt					2					
6	ICS131	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp (Ideas, Creativity and Starups)	3	Tiếng Anh				3						
7	ICO131	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	Tiếng Anh					3					
8	SFL131	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language)	3	Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn	3									
9	AFL131	Ngoại ngữ 2 nâng cao (Advanced Second Foreign Language)	3	Tiếng Trung, Tiếng Nhật, Tiếng Hàn		3								
10	PTS131	Lý thuyết xác suất và thống kê (Probability Theory and Statistics)	3	Tiếng Anh			3							
11	EMA131	Toán kinh tế (Economic Mathematics)	3	Tiếng Anh				3						
12	AIA131	Ứng dụng công nghệ thông tin và AI (Application of information technology and AI)	3	Tiếng Anh			3							
13	PHE111	Giáo dục thể chất I (Physical Education I)	30 tiết	Tiếng Việt	x									
14	PHE112	Giáo dục thể chất II (Physical Education II)	30 tiết	Tiếng Việt		x								

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ														
					I		II		III		IV		V						
					1	2	3	4	5	6	7	8	9						
15	PHE113	Giáo dục thể chất III (Physical Education III)	30 tiết	Tiếng Việt			x												
16		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	Tiếng Việt			x												
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																		
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		32																
	Bắt buộc		24																
17	MIC231	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	Tiếng Anh			3												
18	MAE231	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	Tiếng Anh				3											
19	BEN231	Tiếng Anh chuyên ngành (Business English)	3	Tiếng Anh		3													
20	BUS231	Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics)	3	Tiếng Anh						3									
21	MGN231	Quản trị học (Management)	3	Tiếng Anh			3												
22	FIN231	Nhập môn tài chính (Introduction to Finance)	3	Tiếng Anh				3											
23	MAR231	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	3	Tiếng Anh				3											
24	ACC231	Kế toán căn bản (Introduction to accounting)	3	Tiếng Anh						3									
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8				4			4									
25	ECO241	Thương mại điện tử (E-commerce)	4	Tiếng Anh															
26	MCS341	Hệ thống thông tin quản lý (Managerial Communication System)	4	Tiếng Anh															
27	ECO241	Kinh tế lượng (Econometrics)	4	Tiếng Anh															
28	BLA241	Luật kinh doanh (Business Law)	4	Tiếng Anh															
29	IPR241	Nguyên lý bảo hiểm (Insurance Principles)	4	Tiếng Anh															
30	RME241	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Method)	4	Tiếng Anh															
II.2	Kiến thức ngành		24																
	Bắt buộc		16																

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
31	PFI341	Tài chính công (Public Finance)	4	Tiếng Anh					4					
32	CFI341	Tài chính doanh nghiệp căn bản (Corporate Finance)	4	Tiếng Anh						4				
33	AIS341	Phân tích và đầu tư chứng khoán (Analysis and Investment Securities)	4	Tiếng Anh							4			
34	MAB341	Tiền tệ và hoạt động ngân hàng (Money and Banking)	4	Tiếng Anh								4		
Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)			8						4		4			
35	BEC341	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (Business Ethics and Corporate Culture)	4	Tiếng Anh										
36	BUA341	Phân tích kinh doanh (Business Analysis)	4	Tiếng Anh										
37	MAS341	Kỹ năng quản trị (Management Skills)	4	Tiếng Anh										
38	MGA341	Kế toán quản trị (Managerial Accounting)	4	Tiếng Anh										
39	CIB341	Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in Business)	4	Tiếng Anh										
40	MAM341	Quản trị Marketing (Marketing Management)	4	Tiếng Anh										
II.3	Kiến thức chuyên ngành		20											
	Bắt buộc		12											
41	ACF341	Tài chính doanh nghiệp nâng cao (Advanced Corporate Finance)	4	Tiếng Anh									4	
42	FRM341	Quản trị rủi ro tài chính (Financial Risk Management)	4	Tiếng Anh								4		
43	FAD341	Phân tích tài chính và ra quyết định (Financial Analysis and Decision – Making)	4	Tiếng Anh						4				
Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 07 học phần)			8							4		4		
44	MAC341	Mua bán và sáp nhập doanh nghiệp (Mergers and Acquisitions)	4	Tiếng Anh										

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
45	IPA341	Thanh toán quốc tế (International Payment)	4	Tiếng Anh										
46	FAP341	Thẩm định tài chính dự án (Financial Evaluation of Project)	4	Tiếng Anh										
47	IBU341	Kinh doanh quốc tế (International Business)	4	Tiếng Anh										
48	IFI341	Tài chính quốc tế (International Finance)	4	Tiếng Anh										
49	FMI341	Thị trường và các định chế tài chính (Financial Market and Institution)	4	Tiếng Anh										
50	INE341	Kinh tế quốc tế (International Economics)	4	Tiếng Anh										
II.4	SPR321	Thực tế trải nghiệm (Seminar Practicum)	2	Tiếng Anh							2			
II.5	PRA421	Thực tập môn học (Practicum)	2	Tiếng Anh								2		
II.6	INT441	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	4	Tiếng Anh										4
II.7	THE904	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8	Tiếng Anh										8
Sinh viên chọn 02 trong số 03 học phần tự chọn thay thế KLTN			8											8
51	VOA341	Định giá tài sản (Valuation of assets)	4	Tiếng Anh										
52	MCF341	Tài chính công ty đa quốc gia (Multinational Corporate Finance)	4	Tiếng Anh										
53	INA341	Kiểm toán nội bộ (Internal Audit)	4	Tiếng Anh										
Khối kiến thức bổ trợ (Chọn 01 trong 03 học phần)			3										3	
54	AAB331	Ứng dụng AI trong doanh nghiệp (AI Applications in Business)	3	Tiếng Anh										
55	DTB331	Chuyển đổi số hoạt động doanh nghiệp (Digital Transformation of Business Operations)	3	Tiếng Anh										
56	MIA331	Marketing trong kỷ nguyên AI (Marketing in the AI Era)	3	Tiếng Anh										
Tổng tín chỉ toàn khoá			127		6	8	18	17	20	15	18	13	12	

Ghi chú:

- Đối với các sinh viên là người nước ngoài, các học phần học bằng ngôn ngữ tiếng Việt (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam) được giảng dạy và học bằng tiếng Anh.
- Đối với các học phần số thứ tự: 6, 7, 10, 11, 12, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 33, 34, 38, 45, 46, 48, 52, 54, 55, 56 trong khung chương trình đào tạo, căn cứ vào nhu cầu và nguyện vọng của sinh viên có thể được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Việt.
- Học phần được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Việt phụ thuộc vào tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ học của học phần đó, nếu tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ nào nhiều hơn thì thực hiện giảng dạy bằng ngôn ngữ đó. Trường hợp tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ tiếng Anh/tiếng Việt là 50% thì Viện trưởng Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới quyết định ngôn ngữ giảng dạy đối với học phần.

Danh sách cá nhân xử lý

STT	Người xử lý	Đơn vị	Thời gian	Ý kiến
1	Trường Đại học Kinh tế và QTKD		03/11/2025 19:39:21	Đã đóng dấu
2	Đinh Hồng Linh	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 17:35:37	
3	Văn thư ĐHKQTQTKD	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:54:30	
4	Nguyễn Đức Dũng	Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:21:15	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD

Số: 1365 /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 684/KH-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 1322/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/9/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Quản trị Marketing dạy và học bằng Tiếng Anh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (Khóa 22) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để c/đ);
- Như điều 3 (để t/h);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	QUẢN TRỊ MARKETING DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	BACHELOR OF MARKETING MANAGEMENT CONDUCTED IN ENGLISH
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	Marketing
5	Mã ngành	7340115
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế và QTKD
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4,5 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127 TC (không tính các học phần tiếng Anh bắt buộc)
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Anh
11	Website	http://tueba.edu.vn http://iie.tueba.edu.vn
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau: a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên; c) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

TT	Tiêu đề	Nội dung
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Quản trị Marketing Tiếng Anh: Bachelor of Marketing Management
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Người học có thể làm việc tại các tổ chức với vị trí công việc sau: Nhóm 1 Chuyên viên nghiên cứu thị trường, chuyên viên quản trị thông tin marketing, chuyên viên marketing, chuyên viên truyền thông marketing, chuyên viên quảng cáo, chuyên viên quan hệ công chúng, chuyên viên quản trị thương hiệu, giám sát bán hàng; trưởng/phó các bộ phận chức năng marketing ... trong các doanh nghiệp trong nước và quốc tế. Qua quá trình công tác và tích lũy kinh nghiệm, người học có triển vọng trở thành giám đốc marketing, giám đốc/quản lý thương hiệu, giám đốc bán hàng và các chức danh quản lý khác trong lĩnh vực quản trị marketing. Nhóm 2 Chuyên viên hoạch định chính sách marketing trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế xã hội trong và ngoài nước.
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	CTĐT Quản trị Marketing - Đại học Kinh tế Quốc Dân, CTĐT Quản trị Marketing - Học viện Tài chính. CTĐT Bachelor of Business - Marketing major Trường đại học RMIT Australia
18	Thông tin kiểm định CTĐT	CTĐT ngành Marketing đã được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục bởi Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á ngày 22 tháng 7 năm 2023
19	Thời điểm cập nhật Bản CTĐT	Tháng 9/2025

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị Marketing có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản lý, quản trị kinh doanh;

có kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về Marketing. Có khả năng hoạch định chiến lược, kế hoạch và tổ chức các hoạt động Marketing; có năng lực tự học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ. Có khả năng cạnh tranh tốt trên thị trường lao động quốc tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

PO1. (Kiến thức): Người học có các kiến thức cơ bản về kinh tế và các quy luật kinh tế - xã hội; Có kiến thức để phân tích và dự báo, lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá các hoạt động marketing trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

PO2. (Kỹ năng): Người học có các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm đáp ứng yêu cầu công việc trong lĩnh vực quản trị marketing.

PO3. (Năng lực tự chủ và trách nhiệm): Người học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có trách nhiệm với công việc được giao; tự tin, đáp ứng yêu cầu trong công việc thuộc lĩnh vực quản trị marketing, có tư duy khởi nghiệp.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra kiến thức	
PLO1	Hiểu và vận dụng các kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị, xã hội, pháp luật và văn hóa trong môi trường kinh doanh toàn cầu.	3
PI1.1	Sinh viên hiểu và giải thích được các khái niệm, nguyên lý cơ bản của kinh tế học, quản trị học, xã hội học và pháp luật có liên quan đến hoạt động marketing; phân tích được ảnh hưởng của các yếu tố này đến hành vi tổ chức và thị trường trong bối cảnh toàn cầu.	3
PI1.2	Sinh viên hiểu và vận dụng được các yếu tố văn hóa, giá trị xã hội, và sự khác biệt quốc tế trong hành vi tiêu dùng và truyền thông marketing; đánh giá được tác động của môi trường kinh doanh toàn cầu, xu hướng hội nhập và chuyển đổi số đối với hoạt động marketing của doanh nghiệp.	3
PLO2	Phân tích và áp dụng kiến thức chuyên sâu về Marketing, hành vi khách hàng, quản trị thương hiệu, sản phẩm và giá.	3
PI2.1	Sinh viên hiểu và phân tích được các nguyên lý, mô hình và chiến lược marketing hiện đại (như STP, 4Ps, 7Ps, Marketing Mix, IMC); vận dụng được các khái niệm này trong việc đánh giá thị trường, xác định cơ hội kinh doanh và hoạch định chiến lược marketing.	3
PI2.2	Sinh viên hiểu, phân tích và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khách hàng (văn hóa, xã hội, cá nhân, tâm lý); vận dụng được kiến thức này để dự đoán xu hướng tiêu dùng và xây dựng chiến lược truyền thông, phân khúc và định vị thương hiệu phù hợp với từng nhóm khách hàng mục tiêu.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI2.3	Sinh viên vận dụng được các kiến thức và công cụ quản trị thương hiệu, sản phẩm và giá để phát triển, duy trì và định vị thương hiệu, quản lý danh mục sản phẩm, xây dựng chiến lược giá phù hợp với thị trường và tối đa hóa giá trị thương hiệu cho doanh nghiệp.	3
PLO3	Vận dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong hoạt động Marketing hiện đại.	3
PI3.1	Sinh viên hiểu và vận dụng được các công cụ, nền tảng và kỹ thuật Marketing số (Digital Marketing) như SEO, SEM, mạng xã hội (Social Media), email marketing, content marketing và thương mại điện tử; thiết kế và triển khai được các chiến dịch marketing trực tuyến phù hợp với mục tiêu và đối tượng khách hàng.	3
PI3.2	Sinh viên phân tích và sử dụng được các công cụ dựa trên trí tuệ nhân tạo, học máy và phân tích dữ liệu lớn (AI, Machine Learning, Big Data Analytics) để thu thập, xử lý, phân tích hành vi khách hàng và dự báo xu hướng thị trường; đề xuất được các quyết định marketing chiến lược dựa trên dữ liệu (data-driven marketing).	3
PLO4	Áp dụng phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng và phân tích dữ liệu Marketing để ra quyết định.	3
PI4.1	Sinh viên hiểu, lựa chọn và áp dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng trong lĩnh vực marketing (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, khảo sát, thực nghiệm...); thiết kế và triển khai được quy trình nghiên cứu marketing (xác định vấn đề, đặt giả thuyết, thu thập và xử lý dữ liệu).	3
PI4.2	Sinh viên sử dụng được các công cụ và phần mềm phân tích dữ liệu (như Excel, SPSS, R, Power BI hoặc Python) để xử lý, phân tích và trực quan hóa dữ liệu marketing; diễn giải kết quả phân tích và đề xuất được các giải pháp, quyết định marketing dựa trên bằng chứng dữ liệu (evidence-based decision making).	3
PLO5	Hiểu và vận dụng đạo đức, trách nhiệm xã hội và văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động Marketing.	3
PI5.1	Sinh viên hiểu và phân tích được các nguyên tắc, giá trị và chuẩn mực đạo đức trong hoạt động marketing; nhận diện được các hành vi marketing phi đạo đức (như quảng cáo sai sự thật, thao túng người tiêu dùng, xâm phạm quyền riêng tư...) và đề xuất được hướng xử lý phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp.	3
PI5.2	Sinh viên hiểu và vận dụng được các khái niệm và mô hình về trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) vào chiến lược marketing; thiết kế được các chương trình marketing bền vững, gắn với lợi ích cộng đồng, bảo vệ môi trường và nâng cao hình ảnh doanh nghiệp.	3
PI5.3	Sinh viên phân tích và vận dụng được các yếu tố văn hóa doanh nghiệp (giá trị cốt lõi, chuẩn mực hành vi, phong cách lãnh đạo, giao tiếp nội bộ) trong hoạch định và triển khai các chiến lược truyền thông và thương	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	hiệu; đề xuất được giải pháp gắn kết văn hóa doanh nghiệp với trải nghiệm khách hàng.	
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO6	Xây dựng và triển khai kế hoạch Marketing tổng hợp (IMC, Digital, Brand, CRM) phù hợp bối cảnh số hóa.	3
PI6.1	Sinh viên phân tích và xây dựng được các kế hoạch Marketing tổng hợp (Integrated Marketing Communication – IMC) bao gồm marketing số (Digital Marketing), marketing thương hiệu (Brand Marketing) và marketing nội dung (Content Marketing); triển khai và đánh giá được hiệu quả của chiến dịch marketing trên đa kênh (online – offline).	3
PI6.2	Sinh viên vận dụng được các công cụ và hệ thống quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management – CRM) để xây dựng, duy trì và phát triển quan hệ khách hàng; ứng dụng được các nền tảng công nghệ số (AI, Big Data, Marketing Automation, Social Listening, v.v.) trong quá trình triển khai và tối ưu hóa kế hoạch marketing.	3
PLO7	Thực hành kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán và làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa.	4
PI7.1	Sinh viên giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh và ngôn ngữ chuyên ngành trong các tình huống học thuật và nghề nghiệp; thực hiện được các bài thuyết trình, báo cáo, và đàm phán chuyên nghiệp với đối tác, khách hàng hoặc đồng nghiệp đến từ các nền văn hóa khác nhau; thể hiện được sự tự tin, khả năng lắng nghe và ứng xử phù hợp trong môi trường toàn cầu.	4
PI7.2	Sinh viên tham gia tích cực và hợp tác hiệu quả trong các nhóm làm việc, thể hiện được vai trò lãnh đạo, điều phối và giải quyết xung đột; vận dụng được các công cụ làm việc nhóm trực tuyến và kỹ năng quản lý thời gian để đạt mục tiêu chung trong bối cảnh học tập và nghề nghiệp đa văn hóa.	4
PLO8	Ứng dụng kỹ năng phân tích, ra quyết định quản trị và giải quyết vấn đề trong hoạt động Marketing toàn cầu.	3
PI8.1	Sinh viên phân tích và đánh giá được các yếu tố nội bộ và bên ngoài (môi trường vĩ mô, vi mô, thị trường, đối thủ, khách hàng) ảnh hưởng đến hoạt động marketing; sử dụng được các công cụ phân tích (SWOT, PESTEL, 5 Forces, BCG, KPI...) để ra quyết định chiến lược marketing phù hợp trong bối cảnh toàn cầu.	3
PI8.2	Sinh viên xác định và phân tích được vấn đề marketing thực tiễn (thị phần, thương hiệu, sản phẩm, giá, phân phối, truyền thông...); đề xuất được các giải pháp sáng tạo, khả thi và có cơ sở dữ liệu hỗ trợ (data-driven) nhằm cải thiện hiệu quả chiến lược marketing và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.	3
PLO9	Sử dụng thành thạo ít nhất hai ngoại ngữ trong giao tiếp, nghiên cứu và báo cáo chuyên môn Marketing.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI9.1	Sinh viên sử dụng thành thạo tiếng Anh trong các hoạt động giao tiếp, đàm phán, viết báo cáo và thuyết trình về các chủ đề marketing; diễn đạt được ý tưởng, kết quả nghiên cứu, và kế hoạch marketing bằng ngôn ngữ học thuật và chuyên nghiệp; đạt trình độ tối thiểu tương đương B2 theo Khung CEFR (hoặc IELTS 5.5–6.0).	3
PI9.2	Sinh viên sử dụng được ngoại ngữ thứ hai (Nhật, Trung hoặc Hàn) trong các tình huống giao tiếp cơ bản và chuyên môn liên quan đến marketing quốc tế; tra cứu và hiểu được các tài liệu chuyên ngành, báo cáo thị trường, xu hướng tiêu dùng quốc tế bằng ngoại ngữ thứ hai; thể hiện được năng lực giao tiếp và hội nhập trong môi trường đa ngôn ngữ.	3
PLO10	Hình thành tư duy khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực Marketing và truyền thông.	3
PI10.1	Sinh viên nhận diện và phân tích được cơ hội thị trường, nhu cầu khách hàng và xu hướng truyền thông mới; hình thành và phát triển được ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực marketing, truyền thông hoặc dịch vụ số; xây dựng được mô hình kinh doanh khả thi bằng các công cụ như <i>Business Model Canvas</i> và <i>Design Thinking</i> .	3
PI10.2	Sinh viên vận dụng được các công nghệ mới (AI, Big Data, IoT, nền tảng số, Blockchain, thực tế ảo...) để đổi mới sản phẩm, dịch vụ và chiến lược truyền thông; đề xuất được các giải pháp sáng tạo nhằm tăng cường trải nghiệm khách hàng và hiệu quả hoạt động marketing trong bối cảnh chuyển đổi số.	3
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO11	Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng khách hàng, đối tác và cộng đồng.	4
PI11.1	Sinh viên hiểu và tuân thủ được các nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức và quy định nghề nghiệp trong hoạt động marketing; nhận diện được các hành vi vi phạm đạo đức (như quảng cáo sai lệch, thao túng thông tin, xâm phạm quyền riêng tư) và ứng xử phù hợp theo chuẩn mực đạo đức của doanh nghiệp và xã hội.	4
PI11.2	Sinh viên thể hiện được thái độ tôn trọng, trung thực và chuyên nghiệp trong giao tiếp với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp; tham gia và đề xuất được các hoạt động marketing hướng đến lợi ích cộng đồng và phát triển bền vững; nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội trong mọi hành vi nghề nghiệp.	4
PLO12	Chủ động học tập suốt đời, thích ứng với thay đổi công nghệ và thị trường số.	3
PI12.1	Sinh viên xây dựng và thực hiện được kế hoạch học tập cá nhân, chủ động cập nhật kiến thức, kỹ năng và xu hướng mới trong lĩnh vực marketing và truyền thông số; tự nghiên cứu, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn học liệu số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các khóa học trực tuyến và hội thảo chuyên môn để nâng cao năng lực nghề nghiệp.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI12.2	Sinh viên thích ứng được với các thay đổi nhanh chóng của công nghệ, dữ liệu và thị trường marketing số; vận dụng được các công cụ, nền tảng và xu hướng mới (AI, Big Data, Automation, Social Commerce, Metaverse...) để đổi mới phương thức tiếp cận thị trường và ra quyết định marketing linh hoạt, hiệu quả.	3
PLO13	Thể hiện tinh thần hợp tác, trách nhiệm, sáng tạo và lãnh đạo trong môi trường Marketing chuyên nghiệp.	3
PI13.1	Sinh viên thể hiện được tinh thần trách nhiệm cá nhân và tập thể, hợp tác hiệu quả trong các dự án marketing nhóm; giao tiếp, phối hợp và giải quyết xung đột một cách chuyên nghiệp; đóng góp tích cực vào việc đạt mục tiêu chung của đội nhóm và tổ chức trong môi trường làm việc đa văn hóa.	3
PI13.2	Sinh viên thể hiện được năng lực lãnh đạo, tư duy sáng tạo và ra quyết định độc lập trong việc hoạch định, tổ chức và triển khai các hoạt động marketing; truyền cảm hứng, định hướng và thúc đẩy đồng đội đạt hiệu quả công việc cao; đề xuất được các giải pháp đổi mới nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và giá trị thương hiệu cho doanh nghiệp.	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ								
					I		II		III		IV		V
					1	2	3	4	5	6	7	8	9
A	KHÓA HỌC TIẾNG ANH DỰ BỊ				x	x							
B	KHÓA HỌC CHÍNH THỨC												
I	KHỐI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		32										
1	MLP131	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Maxism - Leninism)	3	Tiếng Việt	3								
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Maxism - Leninism)	2	Tiếng Việt		2							
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	Tiếng Việt			2						
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	Tiếng Việt				2					
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Revolution Lines of Vietnam Communist Party)	2	Tiếng Việt					2				
6	ICS131	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp (Ideas, Creativity and Starups)	3	Tiếng Anh				3					
7	ICO131	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	Tiếng Anh					3				
8	SFL131	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language)	3	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn	3								
9	AFL131	Ngoại ngữ 2 nâng cao (Advanced Second Foreign Language)	3	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn		3							
10	PTS131	Lý thuyết xác suất và thống kê (Probability Theory and Statistics)	3	Tiếng Anh			3						
11	EMA131	Toán kinh tế (Economic Mathematics)	3	Tiếng Anh				3					
12	AIA131	Ứng dụng công nghệ thông tin và AI (Application of information technology and AI)	3	Tiếng Anh			3						
13	PHE111	Giáo dục thể chất I (Physical Education I)	30 tiết	Tiếng Việt	x								
14	PHE112	Giáo dục thể chất II (Physical Education II)	30 tiết	Tiếng Việt		x							
15	PHE113	Giáo dục thể chất III (Physical Education III)	30 tiết	Tiếng Việt			x						

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ										
					I		II		III		IV		V		
					1	2	3	4	5	6	7	8	9		
16		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	Tiếng Việt			x								
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP														
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		32												
	Bắt buộc		24												
17	MIC231	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	Tiếng Anh			3								
18	MAE231	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	Tiếng Anh				3							
19	BEN231	Tiếng Anh chuyên ngành (Business English)	3	Tiếng Anh		3									
20	BUS231	Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics)	3	Tiếng Anh					3						
21	MGN231	Quản trị học (Management)	3	Tiếng Anh			3								
22	FIN231	Nhập môn tài chính (Introduction to Finance)	3	Tiếng Anh				3							
23	MAR231	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	3	Tiếng Anh				3							
24	ACC231	Kế toán căn bản (Introduction to accounting)	3	Tiếng Anh					3						
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8				4		4						
25	MDM241	Ra quyết định quản trị (Managerial Decision Making)	4	Tiếng Anh											
26	MCS341	Hệ thống thông tin quản lý (Managerial Communication System)	4	Tiếng Anh											
27	ECO241	Kinh tế lượng (Econometrics)	4	Tiếng Anh											
28	BLA241	Luật kinh doanh (Business Law)	4	Tiếng Anh											
29	DBM241	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý (Drafting Business and Management Document)	4	Tiếng Anh											
30	RME241	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Method)	4	Tiếng Anh											
II.2	Kiến thức ngành		24												
	Bắt buộc		16												
31	CBE341	Hành vi khách hàng (Customer Behavior)	4	Tiếng Anh					4						

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
32	DMA341	Digital Marketing (Digital Marketing)	4	Tiếng Anh						4				
33	MAM341	Quản trị Marketing (Marketing Management)	4	Tiếng Anh							4			
34	MRE 341	Nghiên cứu Marketing (Marketing Research)	4	Tiếng Anh						4				
Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)			8						4		4			
35	IMA341	Marketing Quốc tế (International Marketing)	4	Tiếng Anh										
36	ORG341	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (Business Ethics and Enterprise Culture)	4	Tiếng Anh										
37	NEB341	Đàm phán trong kinh doanh (Negotiation in Business)	4	Tiếng Anh										
38	HRM341	Quản trị nhân lực (Human Resources Management)	4	Tiếng Anh										
39	EMA341	Quản trị sự kiện (Event Management)	4	Tiếng Anh										
40	PBA341	Tâm lý học Quản trị kinh doanh (Psychology of Business Administration)	4	Tiếng Anh										
II.3	Kiến thức chuyên ngành		20											
	Bắt buộc		12											
41	PRO341	Quản trị sản phẩm (Product management)	4	Tiếng Anh						4				
42	PRM341	Quản trị giá (Price Management)	4	Tiếng Anh								4		
43	CHM341	Quản trị kênh phân phối (Channel Management)	4	Tiếng Anh								4		
Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)			8											
44	IMC341	Quản trị truyền thông Marketing (Integrated Marketing Communication Management)	4	Tiếng Anh										
45	SAM341	Quản trị bán hàng (Sales Management)	4	Tiếng Anh										
46	CRM341	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer relationship Management)	4	Tiếng Anh										
47	SMA341	Marketing dịch vụ (Service Marketing)	4	Tiếng Anh										

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
48	BRM341	Quản trị thương hiệu (Brand Management)	4	Tiếng Anh										
49	BDM341	Marketing dữ liệu lớn (Big Data marketing)	4	Tiếng Anh										
II.4	SPR321	Thực tế trải nghiệm (Seminar Practicum)	2	Tiếng Anh							2			
II.5	PRA421	Thực tập môn học (Practicum)	2	Tiếng Anh								2		
II.6	INT441	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	4	Tiếng Anh										4
II.7	THE904	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8	Tiếng Anh										8
		Sinh viên chọn 02 trong số 04 học phần tự chọn thay thế KLTN	8											8
50	PRE341	Quan hệ công chúng (Public Relation)	4	Tiếng Anh										
51	IEI341	Hội nhập kinh tế quốc tế (International Economic integration)	4	Tiếng Anh										
52	CIB341	Văn hóa bản địa trong kinh doanh (Smart Tourism Tour Design)	4	Tiếng Anh										
53	SME341	Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (Small and Medium Enterprise Management)	4	Tiếng Anh										
III		Khối kiến thức bổ trợ (Chọn 01 trong 03 học phần)	3										3	
54	MIA331	Marketing trong kỷ nguyên AI (Marketing in the AI Era)	3	Tiếng Anh										
55	MME331	Đo lường marketing (Marketing Metrics)	3	Tiếng Anh										
56	AAB331	Ứng dụng AI trong doanh nghiệp (AI Applications in Business)	3	Tiếng Anh										
		Tổng tín chỉ toàn khoá	127		6	8	18	17	20	15	18	13	12	

Ghi chú:

- Đối với các sinh viên là người nước ngoài, các học phần học bằng ngôn ngữ tiếng Việt (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam) được giảng dạy và học bằng tiếng Anh.
- Đối với các học phần có số thứ tự: 6, 7, 10, 11, 12, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 34, 41, 42, 44, 47, 48, 50, 54, 55 trong khung chương trình đào tạo, căn cứ vào nhu cầu và nguyện

vọng của sinh viên có thể được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Việt.

- Học phần được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Việt phụ thuộc vào tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ học của học phần đó, nếu tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ nào nhiều hơn thì thực hiện giảng dạy bằng ngôn ngữ đó. Trường hợp tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ tiếng Anh/tiếng Việt là 50% thì Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế quyết định ngôn ngữ giảng dạy đối với học phần.

Danh sách cá nhân xử lý

STT	Người xử lý	Đơn vị	Thời gian	Ý kiến
1	Trường Đại học Kinh tế và QTKD		03/11/2025 19:40:54	Đã đóng dấu
2	Đinh Hồng Linh	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 17:35:50	
3	Văn thư ĐHKQTQTKD	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:54:46	
4	Nguyễn Đức Dũng	Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:20:55	

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QTKD

Số: 1367 /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 684/KH-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/5/2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD Kế hoạch rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và rà soát, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông báo số 1322/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 12/9/2024 Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường ĐH Kinh tế và QTKD;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo trình độ đại học: Chương trình đào tạo Quản trị kinh doanh dạy và học bằng Tiếng Anh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (Khóa 22) của trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- BGH (để c/đ);
- Như điều 3 (để t/h);
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày tháng năm 2025
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	QUẢN TRỊ KINH DOANH DẠY VÀ HỌC BẰNG TIẾNG ANH
2	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Anh)	Business Administration (Conducted in English)
3	Trình độ đào tạo	Đại học
4	Ngành đào tạo	Quản trị Kinh doanh
5	Mã ngành	7340101
6	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7	Thời gian đào tạo chuẩn	4,5 năm
8	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	127 (Không tính các học phần tiếng Anh bắt buộc)
9	Khoa Quản lý chương trình đào tạo	Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới
10	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Anh
11	Website	http://qtkd.tueba.edu.vn/
12	Thang điểm	Thang điểm 4
13	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Quản trị Kinh doanh Tiếng Anh: Bachelor of Business Administration
15	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	1. Tự thành lập và điều hành hoạt động kinh doanh độc lập 2. Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Quản trị kinh doanh có đủ năng lực để khởi nghiệp và/hoặc làm việc tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức phi chính phủ trong và ngoài nước; đảm đương tốt công việc

TT	Tiêu đề	Nội dung
		<p>của cán bộ, nhân viên tại các phòng ban chức năng trong doanh nghiệp. Triển vọng trong tương lai có thể trở thành các doanh nhân hoặc các nhà quản lý cấp cao tại các doanh nghiệp.</p> <p>3. Cử nhân ngành QTKD có triển vọng trở thành các doanh nhân hoặc các nhà quản trị cấp cao như giám đốc điều hành, giám đốc bộ phận, trưởng các phòng, ban trong các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.</p>
16	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17	Chương trình đào tạo đối sánh	<ul style="list-style-type: none">- CTĐT Cử nhân Quản trị Kinh doanh – (Chương trình tiên tiến), Đại học Kinh tế Quốc dân- CTĐT Cử nhân Quản trị Kinh doanh – (Chương trình tiên tiến), Đại học Kinh tế Thành phố HCM- CTĐT Cử nhân Kinh doanh (Chuyên ngành Quản lý), University of New England (Australia)
18	Thông tin kiểm định chương trình đào tạo	Đã được kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA ngày 9 tháng 10 năm 2022
19	Thời điểm cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Tháng 9/2025

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh (Chương trình dạy và học bằng tiếng Anh) có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn, kiến thức thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu để tạo lập, điều hành, phối hợp có

hiệu quả các nguồn lực và chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới nhằm phát triển các cơ sở kinh doanh, các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước và có thể trở thành nhà quản trị đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức lý thuyết và thực tiễn về quản trị chung và quản trị điều hành, có kiến thức về công cụ và phương pháp vận dụng các nguyên lý khoa học quản trị doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh để tạo lập, điều hành, phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của các cơ sở kinh doanh, các tổ chức kinh tế trong điều kiện hội nhập quốc tế.

PO2. Đào tạo cử nhân Quản trị Kinh doanh có kỹ năng để hoàn thành công việc, đặc biệt là trong môi trường làm việc quốc tế; tự học, tự nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

PO3. Hình thành cho người học lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, thái độ làm việc chuyên nghiệp, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có sức khỏe; chủ động tiếp cận, tìm hiểu kiến thức mới để nâng cao năng lực và trình độ.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế học, kinh doanh, tài chính – kế toán, luật pháp và môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế làm cơ sở để hiểu và phân tích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh trong nước và quốc tế, đặc biệt trong môi trường doanh nghiệp sử dụng tiếng Anh.	2
PI1.1	Vận dụng được các quy luật cơ bản, bản chất của hệ thống chính trị – xã hội, cơ cấu nhà nước và pháp luật, và biết cách áp dụng các hiểu biết đó vào việc giải quyết các tình huống nghề nghiệp cụ thể trong ngành kinh doanh và quản lý	2
PI1.2	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, về kinh tế học, về kinh doanh, kế toán – tài chính phục vụ cho việc phân tích và xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh và quản lý.	2
PLO2	Áp dụng linh hoạt kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI2.1	Sử dụng các khái niệm cơ bản về kinh tế, kinh doanh và quản lý để xử lý các vấn đề cơ bản trong kinh doanh.	3
PI2.2	Phân tích các yếu tố quản trị và tài chính trong doanh nghiệp, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi số.	3
PI2.3	Phân tích các mô hình và chiến lược quản trị kinh doanh hiện đại, thích nghi với thị trường quốc tế và đa văn hóa.	3
PLO3	Vận dụng thành thạo công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo và thực hiện các quy trình nghiệp vụ trong kinh doanh và quản lý để xử lý hiệu quả các tình huống thực tiễn trong hoạt động kinh doanh quốc tế	3
PI3.1	Ứng dụng thành thạo công cụ công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) vào trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ kinh doanh và quản lý quốc tế;	3
PI3.2	Ứng dụng phần mềm chuyên môn vào xử lý công việc trong lĩnh vực kinh doanh.	3
PLO4	Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế trong quản trị kinh doanh.	3
PI4.1	Hiểu và áp dụng các tiêu chuẩn ISO trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.	3
PI4.2	Phân tích tác động của các quy định quốc tế đến chiến lược kinh doanh.	3
PI4.3	Đề xuất các biện pháp để doanh nghiệp hội nhập hiệu quả trong bối cảnh kinh tế toàn cầu.	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO5	Thành thạo các kỹ năng cơ bản phục vụ công việc chuyên môn.	3
PI5.1	Thể hiện khả năng giao tiếp, thuyết trình và thuyết phục hiệu quả.	3
PI5.2	Làm việc độc lập và làm việc nhóm một cách hiệu quả.	3
PI5.3	Sử dụng ngoại ngữ thành thạo để trình bày báo cáo chuyên môn.	3
PLO6	Thành thạo các nghiệp vụ kinh doanh để điều hành công việc hiệu quả.	3
PI6.1	Lập kế hoạch, tổ chức và phân công công việc chuyên môn một cách hiệu quả.	3
PI6.2	Đánh giá công việc một cách chính xác và công bằng.	3
PLO7	Thành thạo soạn thảo các văn bản giao dịch kinh doanh chủ yếu.	3
PI7.1	Soạn thảo hồ sơ giao dịch kinh doanh (báo giá, hợp đồng, biên bản bàn giao).	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI7.2	Soạn thảo các văn bản như công văn, kế hoạch, báo cáo chuyên môn.	3
PLO8	Phát triển kỹ năng giao tiếp và hợp tác trong môi trường kinh doanh quốc tế.	3
PI8.1	Xây dựng mối quan hệ kinh doanh bền vững thông qua giao tiếp quốc tế hiệu quả.	3
PI8.2	Thuyết trình và giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh và các ngoại ngữ phổ biến khác trong các hoạt động quốc tế.	3
PI8.3	Hợp tác và phát triển quan hệ đối tác trong các dự án kinh doanh toàn cầu.	3
PI8.4	Đàm phán và giải quyết xung đột trong giao dịch kinh doanh quốc tế.	3
PLO9	Hình thành và phát triển được kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm bền vững.	3
PI9.1	Thể hiện tinh thần đổi mới sáng tạo và sẵn sàng khởi nghiệp.	3
PI9.2	Xây dựng kế hoạch khởi nghiệp nhằm tạo việc làm bền vững cho cá nhân và cộng đồng.	3
PI9.3	Đánh giá tác động xã hội của các hoạt động khởi nghiệp để đảm bảo tính bền vững.	3
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO10	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật và học tập suốt đời.	3
PI10.1	Tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh.	3
PI10.2	Phát triển tinh thần tự học, nghiên cứu và học tập suốt đời.	3
PLO11	Thể hiện trách nhiệm, tính thích ứng và khả năng chịu áp lực trong công việc.	3
PI11.1	Rèn luyện sức khỏe để đáp ứng yêu cầu công việc hiệu quả.	3
PI11.2	Thích ứng với điều kiện làm việc thay đổi, quản lý khối lượng công việc lớn và áp lực cao.	3
PI11.3	Thể hiện tính trung thực, tự tin, sáng tạo và đam mê nghề nghiệp.	3

IV. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
A	KHÓA HỌC TIẾNG ANH DỰ BỊ				x	x								
B	KHÓA HỌC CHÍNH THỨC													
I	KHÔI KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG		32											
1	MLP131	Triết học Mác - Lênin (Philosophy of Maxism - Leninism)	3	Tiếng Việt	3									
2	MLE121	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Political Economics of Maxism - Leninism)	2	Tiếng Việt		2								
3	SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	Tiếng Việt			2							
4	HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	Tiếng Việt				2						
5	VCP121	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (Revolution Lines of Vietnam Communist Party)	2	Tiếng Việt					2					
6	ICS131	Ý tưởng, sáng tạo và khởi nghiệp (Ideas, Creativity and Starups)	3	Tiếng Anh				3						
7	ICO131	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3	Tiếng Anh					3					
8	SFL131	Ngoại ngữ 2 (Second Foreign Language)	3	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn	3									
9	AFL131	Ngoại ngữ 2 nâng cao (Advanced Second Foreign Language)	3	Tiếng Nhật, Tiếng Trung, Tiếng Hàn		3								
10	PTS131	Lý thuyết xác suất và thống kê (Probability Theory and Statistics)	3	Tiếng Anh			3							
11	EMA131	Toán kinh tế (Economic Mathematics)	3	Tiếng Anh				3						
12	AIA131	Ứng dụng công nghệ thông tin và AI (Application of information technology and AI)	3	Tiếng Anh				3						
13	PHE111	Giáo dục thể chất I (Physical Education I)	30 tiết	Tiếng Việt	x									

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
14	PHE112	Giáo dục thể chất II (Physical Education II)	30 tiết	Tiếng Việt		x								
15	PHE113	Giáo dục thể chất III (Physical Education III)	30 tiết	Tiếng Việt			x							
16		Giáo dục quốc phòng	5 tuần	Tiếng Việt			x							
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP													
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		32											
	Bắt buộc		24											
17	MIC231	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3	Tiếng Anh			3							
18	MAE231	Kinh tế vĩ mô (Macroeconomics)	3	Tiếng Anh				3						
19	BEN231	Tiếng Anh chuyên ngành (Business English)	3	Tiếng Anh		3								
20	BUS231	Thống kê trong kinh doanh (Business Statistics)	3	Tiếng Anh					3					
21	MGN231	Quản trị học (Management)	3	Tiếng Anh			3							
22	FIN231	Nhập môn tài chính (Introduction to Finance)	3	Tiếng Anh				3						
23	MAR231	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	3	Tiếng Anh				3						
24	ACC231	Kê toán căn bản (Introduction to accounting)	3	Tiếng Anh					3					
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8				4		4					
25	MDM241	Ra quyết định quản trị (Managerial Decision Making)	4	Tiếng Anh										
26	MCS341	Hệ thống thông tin quản lý (Managerial Communication System)	4	Tiếng Anh										
27	ECO241	Kinh tế lượng (Econometrics)	4	Tiếng Anh										
28	BLA241	Luật kinh doanh (Business Law)	4	Tiếng Anh										
29	DBM241	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý (Drafting Business and Management Document)	4	Tiếng Anh										

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ															
					I		II		III		IV		V							
					1	2	3	4	5	6	7	8	9							
30	RME241	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Method)	4	Tiếng Anh																
II.2	Kiến thức ngành		24																	
	Bắt buộc		16																	
31	STR341	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	4	Tiếng Anh						4										
32	FIM341	Quản trị tài chính (Financial Management)	4	Tiếng Anh							4									
33	HRM341	Quản trị nguồn nhân lực (Human Resource Management)	4	Tiếng Anh									4							
34	ECM341	Thương mại điện tử (E-commerce)	4	Tiếng Anh							4									
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8							4			4							
35	BEC341	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (Business Ethics and Corporate Culture)	4	Tiếng Anh																
36	BUA341	Phân tích kinh doanh (Business Analysis)	4	Tiếng Anh																
37	MAS341	Kỹ năng quản trị (Management Skills)	4	Tiếng Anh																
38	MGA341	Kê toán quản trị (Managerial Accounting)	4	Tiếng Anh																
39	CIB341	Giao tiếp trong kinh doanh (Communication in Business)	4	Tiếng Anh																
40	MAM341	Quản trị Marketing (Marketing Management)	4	Tiếng Anh																
II.3	Kiến thức chuyên ngành		20																	
	Bắt buộc		12																	
41	CGO341	Quản trị doanh nghiệp (Corporate Governance)	4	Tiếng Anh							4									
42	QUM341	Quản trị chất lượng (Quality Management)	4	Tiếng Anh															4	
43	POM341	Quản trị sản xuất và tác nghiệp (Production and Operational Management)	4	Tiếng Anh															4	
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 07 học phần)		8																4	4

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
44	PRM341	Quản trị dự án (Project Management)	4	Tiếng Anh										
45	IBU341	Kinh doanh quốc tế (International Business)	4	Tiếng Anh										
46	EMA341	Quản trị sự kiện (Event Management)	4	Tiếng Anh										
47	RIM341	Quản trị rủi ro (Risk Management)	4	Tiếng Anh										
48	TAX341	Thuế (Introduction to Taxation)	4	Tiếng Anh										
49	CFI341	Tài chính quốc tế (International Finance)	4	Tiếng Anh										
50	NCR341	Đàm phán và giải quyết xung đột (Negotiation and Conflict Resolution)	4	Tiếng Anh										
II.4	SPR321	Thực tế trải nghiệm (Seminar Practicum)	2	Tiếng Anh							2			
II.5	PRA421	Thực tập môn học (Practicum)	2	Tiếng Anh								2		
II.6	INT441	Thực tập tốt nghiệp (Internship)	4	Tiếng Anh										4
II.7	THE904	Khóa luận tốt nghiệp (Thesis)	8	Tiếng Anh										8
		Sinh viên chọn 02 trong số 04 học phần tự chọn thay thế KLTN	8											8
51	SCM341	Quản trị chuỗi cung ứng (Supply Chain Management)	4	Tiếng Anh										
52	CRM341	Quản trị quan hệ khách hàng (Customer Relationship Management)	4	Tiếng Anh										
53	SMA341	Marketing dịch vụ (Service Marketing)	4	Tiếng Anh										
54	IMA341	Marketing quốc tế (International Marketing)	4	Tiếng Anh										
		Khối kiến thức bổ trợ (Chọn 01 trong 03 học phần)	3										3	
55	AAB331	Ứng dụng AI trong doanh nghiệp (AI Applications in Business)	3	Tiếng Anh										

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
56	DTB331	Chuyển đổi số hoạt động doanh nghiệp (Digital Transformation of Business Operations)	3	Tiếng Anh										
57	MIA331	Marketing trong kỷ nguyên AI (Marketing in the AI Era)	3	Tiếng Anh										
Tổng tín chỉ toàn khoá			127		6	8	18	17	20	15	18	13	12	

Ghi chú:

- Đối với các sinh viên là người nước ngoài, các học phần học bằng ngôn ngữ tiếng Việt (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam) được giảng dạy và học bằng tiếng Anh.
- Đối với các học phần số thứ tự: 6, 7, 10, 11, 12, 26, 27, 28, 29, 30, 33, 34, 38, 42, 43, 44, 47, 48, 51, 54, 55, 56, 57 trong khung chương trình đào tạo, căn cứ vào nhu cầu và nguyện vọng của sinh viên có thể được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Việt.
- Học phần được giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Việt phụ thuộc vào tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ học của học phần đó, nếu tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ nào nhiều hơn thì thực hiện giảng dạy bằng ngôn ngữ đó. Trường hợp tỷ lệ sinh viên lựa chọn ngôn ngữ tiếng Anh/tiếng Việt là 50% thì Viện trưởng Viện Quốc tế Giáo dục và Đổi mới quyết định ngôn ngữ giảng dạy đối với học phần.

Danh sách cá nhân xử lý

STT	Người xử lý	Đơn vị	Thời gian	Ý kiến
1	Trường Đại học Kinh tế và QTKD		04/11/2025 07:30:39	Đã đóng dấu
2	Đinh Hồng Linh	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	04/11/2025 05:12:36	
3	Văn thư ĐHKQTQTKD	Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:55:40	
4	Nguyễn Đức Dũng	Phòng Đào tạo - Trường Đại học Kinh tế và QTKD - Trường Đại học, Cao đẳng	03/11/2025 15:20:19	

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo Logistics quốc tế dạy và học bằng Tiếng Trung Quốc trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-ĐHTN ngày 06/4/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tổ chức và quản lý chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 707/TB-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 15/5/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên (nhiệm kỳ 2020 - 2025);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo Logistics quốc tế dạy và học bằng Tiếng Trung Quốc trình độ đại học (gồm tài liệu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (K22) của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Viện Trường Viện Đào tạo quốc tế và Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *Sưu*

- Như điều 3 (đề t/h);
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LOGISTICS QUỐC TẾ

(Dạy và học bằng tiếng Trung Quốc)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 716/QĐ-ĐHKT&QTKD-ĐT ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	Logistics quốc tế (Dạy và học bằng tiếng Trung Quốc)
2.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Trung Quốc)	国际物流 (中文授课)
3.	Trình độ đào tạo	Đại học
4.	Ngành đào tạo	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
5.	Mã ngành	7510605
6.	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7.	Thời gian đào tạo chuẩn	4,5 năm
8.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	120
9.	Đơn vị quản lý chương trình đào tạo	Viện Đào tạo Quốc tế
10.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Trung (50%) + Tiếng Việt (50%)
11.	Website	http://iie.tueba.edu.vn/
12.	Thang điểm	Thang điểm 4
13.	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng Việt: Cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng Tiếng Trung: 物流与供应链管理学士
15.	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	- Công ty Logistics/Thương mại Quốc tế: Vai trò quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu và logistics quốc tế, tuân thủ thương mại và phân tích thị trường. - Tập đoàn Đa quốc gia: Vị trí trong phát triển kinh doanh quốc tế, quản lý chuỗi cung ứng và chiến lược marketing toàn cầu. - Cơ quan chính phủ: Vị trí phân tích chính sách thương mại/logistics, phát triển kinh tế và dịch vụ

10/1/2025

TT	Tiêu đề	Nội dung
		logistics quốc tế. - Khởi nghiệp: Bắt đầu và quản lý doanh nghiệp của riêng họ trong logistics quốc tế và quản lý chuỗi cung ứng/thương mại quốc tế và thương mại điện tử.
16.	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17.	Chương trình đào tạo đối sánh	- Trong nước: CTĐT Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Đại học Thương mại - Nước ngoài: CTĐT Supply chain, Logistics and Operations Management của Trường Đại học Missouri State, Hoa Kỳ; CTĐT Quản lý Logistics quốc tế của Học viện Hồng Hà, Trung Quốc

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Logistics quốc tế (chương trình dạy và học bằng tiếng Trung Quốc) nhằm hình thành đội ngũ nhân lực có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có tinh thần trách nhiệm và năng lực tự chủ cao; nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế - xã hội, chuyên sâu về logistics quốc tế; có khả năng vận dụng kiến thức và kỹ năng vào xây dựng, vận hành, quản lý hệ thống logistics và chuỗi cung ứng, có khả năng tham gia vào thị trường lao động quốc tế trong lĩnh vực logistic và quản lý chuỗi cung ứng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, xã hội – nhân văn, cùng kiến thức nền tảng và chuyên sâu trong lĩnh vực logistics quốc tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của doanh nghiệp quốc tế trong cùng lĩnh vực.

PO2. Trang bị các kỹ năng phát triển cá nhân, làm việc nhóm, sử dụng ngoại ngữ tiếng Trung, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công việc trong môi trường logistics quốc tế hiện đại.

PO3. Hình thành lập trường chính trị vững vàng, thái độ chuyên nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân và khả năng làm việc dưới áp lực; có nhận thức sâu sắc về học tập suốt đời và đủ năng lực làm việc trong môi trường toàn cầu, đóng góp vào phát triển bền vững cộng đồng - xã hội.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs)
(Chương trình đào tạo bằng tiếng Trung Quốc)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về kinh tế học, kinh doanh, tài chính – kế toán, luật pháp và môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế làm cơ sở để hiểu và phân tích các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng quốc tế, đặc biệt trong môi trường doanh nghiệp sử dụng tiếng Trung.	3
PI1.1	Vận dụng được các quy luật cơ bản, bản chất của hệ thống chính trị – xã hội, cơ cấu nhà nước và pháp luật, và biết cách áp dụng các hiểu biết đó vào việc giải quyết các tình huống nghề nghiệp cụ thể trong ngành logistics quốc tế.	3
PI1.2	Vận dụng được các kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, về kinh tế học, về kinh doanh, kế toán – tài chính phục vụ cho việc phân tích và xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động logistics xuyên quốc gia.	3
PLO2	Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về logistics và quản lý chuỗi cung ứng quốc tế, bao gồm: quản trị logistics, vận tải đa phương thức, quản lý kho bãi, phân phối, dịch vụ logistics, quản trị chuỗi cung ứng và logistics, nhằm giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn trong môi trường kinh doanh toàn cầu sử dụng tiếng Trung.	3
PI2.1	Vận dụng kiến thức nền tảng logistic và quản trị chuỗi cung ứng để phân tích, giải thích và xử lý các vấn đề cơ bản trong lĩnh vực logistics quốc tế.	3
PI2.2	Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ cơ bản liên quan đến thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý logistics và ra quyết định.	3
PI2.3	Ứng dụng kiến thức chuyên ngành để lập kế hoạch logistics, lựa chọn phương thức kinh doanh phù hợp, và triển khai các nghiệp vụ thiết yếu trong vận hành hệ thống logistics và chuỗi cung ứng quốc tế.	3
PLO3	Vận dụng kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực logistics quốc tế để thiết kế, tổ chức, vận hành và quản lý hiệu quả hệ thống logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh đa ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Trung.	3
PI3.1	Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động ngoại thương như mua hàng quốc tế, xây dựng chuỗi cung ứng, giao nhận, vận chuyển hàng hóa, khai báo hải quan..., phục vụ cho việc tổ chức và vận hành hệ thống logistics quốc tế của doanh nghiệp.	3
PI3.2	Nhận diện được các vấn đề nảy sinh trong quá trình vận hành logistics và quản lý chuỗi cung ứng; đề xuất được các giải pháp	3

VC
 KƯC
 HỌC
 QU
 INH
 ...
 C T

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
	cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	
PLO4	Vận dụng thành thạo công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo và thực hiện các quy trình nghiệp vụ logistics quốc tế để xử lý hiệu quả các tình huống thực tiễn trong hoạt động logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu.	3
PI4.1	Ứng dụng thành thạo công cụ công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) vào trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ logistic quốc tế;	3
PI4.2	Vận hành được một số phần mềm chuyên dụng trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng (như phần mềm quản lý kho, hệ thống quản lý vận tải, phần mềm hải quan, ERP...) để hỗ trợ các nghiệp vụ chuyên môn.	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO5	Thành thạo các kỹ năng mềm cơ bản phục vụ công việc chuyên môn trong lĩnh vực logistics quốc tế, có thể thích ứng hiệu quả với môi trường làm việc đa văn hóa, sử dụng tiếng Trung.	3
PI5.1	Thể hiện được khả năng giao tiếp hiệu quả, thuyết trình rõ ràng và thuyết phục trong bối cảnh chuyên môn và liên văn hóa.	3
PI5.2	Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả; có khả năng phối hợp tốt với đồng nghiệp và đối tác trong môi trường đa ngôn ngữ.	3
PI5.3	Vận dụng tư duy phản biện để đánh giá tình huống và đưa ra giải pháp thay thế phù hợp trong điều kiện môi trường biến động và không chắc chắn.	3
PLO6	Vận dụng thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng, đảm bảo thực hiện công việc một cách chuyên nghiệp và hiệu quả trong môi trường quốc tế, đặc biệt là trong các hoạt động có yếu tố tiếng Trung.	3
PI6.1	Thành thạo các nghiệp vụ liên quan đến giao dịch, đàm phán và ký kết hợp đồng ngoại thương, hoạt động mua hàng quốc tế, thủ tục hải quan, giao nhận và vận chuyển hàng hóa; đồng thời có khả năng thiết kế, triển khai và vận hành hệ thống chuỗi cung ứng phù hợp với yêu cầu doanh nghiệp.	3
PI6.2	Sử dụng hiệu quả kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức công việc, phân công nhiệm vụ và đánh giá hiệu quả thực hiện trong các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng nhằm tối ưu hóa quy trình vận hành doanh nghiệp.	3
PLO7	Có khả năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ tiếng Trung Quốc để giao tiếp, trình bày quan điểm cá nhân và thực hiện công việc chuyên môn trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường quốc tế.	3
PI7.1	Đạt được chuẩn năng lực ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường đối với ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, đáp ứng yêu cầu học thuật và nghề nghiệp.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra (PLO)	Trình độ năng lực
PI7.2	Sử dụng tốt ít nhất một ngoại ngữ (ưu tiên tiếng Trung và tiếng Anh) để trình bày quan điểm, trao đổi chuyên môn và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng trong môi trường đa ngôn ngữ.	3
PLO8	Hình thành và phát triển được kỹ năng khởi nghiệp, có khả năng xây dựng ý tưởng kinh doanh, dẫn dắt hoạt động khởi sự doanh nghiệp trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng, tạo việc làm cho bản thân và người khác trong môi trường kinh doanh sử dụng tiếng Trung và đa ngôn ngữ.	3
	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, quy định của tổ chức; chủ động trong học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp, sẵn sàng học tập suốt đời.	3
PI9.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực nghề nghiệp trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.	3
PI9.2	Hình thành ý thức tự giác trong học tập và nghiên cứu; có tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cao.	3
PLO10	Hình thành ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; khả năng chịu áp lực; trung thực, tự tin, sáng tạo; đam mê nghề nghiệp và thích ứng linh hoạt với môi trường làm việc.	3
PI10.1	Có ý thức trách nhiệm cao đối với công việc được phân công, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ và cam kết hoàn thành đúng tiến độ với chất lượng đảm bảo	3
PI10.2	Thể hiện khả năng làm việc hiệu quả dưới áp lực, có trách nhiệm và thái độ chuyên nghiệp khi làm việc độc lập hoặc theo nhóm.	3
PI10.3	Thể hiện phẩm chất trung thực, tự tin, tư duy sáng tạo và đam mê nghề nghiệp; xác định rõ định hướng phát triển nghề nghiệp cá nhân.	3

VÀ
 INC
 KINH
 NI
 OAN
 (AI)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP													
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		29											
	Bắt buộc		21											
16	MIC231	Kinh tế vi mô (微观经济学)	3	Tiếng Việt		3								
17	MAE231	Kinh tế vĩ mô (宏观经济学)	3	Tiếng Việt			3							
18	BCN231	Tiếng Trung chuyên ngành (专门用途汉语)	3	Tiếng Trung			3							
19	MAN231	Quản trị học (管理学)	3	Tiếng Việt			3							
20	FAM231	Tài chính tiền tệ (货币金融)	3	Tiếng Việt				3						
21	GEM231	Marketing căn bản (基础营销)	3	Tiếng Việt				3						
22	ACT231	Nguyên lý kế toán (会计原则)	3	Tiếng Việt					3					
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8				4	4						
23	MDM241	Ra quyết định quản trị (管理决策)	4	Tiếng Việt										
24	MIS241	Hệ thống thông tin trong quản lý (管理信息系统)	4	Tiếng Việt										
25	ECO241	Kinh tế lượng (计量经济学)	4	Tiếng Việt										
26	LOB341	Pháp luật về chủ thể kinh doanh (商业实体法)	4	Tiếng Việt										
27	LGS341	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ (货物和服务贸易法)	4	Tiếng Việt										
28	WBM241	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý (起草商业和管理文件)	4	Tiếng Việt										
II.2	Kiến thức ngành		24											
	Bắt buộc		16											



 BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO


 TÊN RI

 I

 SỬ

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
41	LPD341 (CN)	Kế hoạch và thiết kế hệ thống logistics (物流系统规划与设计)	4	Tiếng Trung								4		
42	ITO341 (CN)	Quản trị giao nhận và vận tải quốc tế (国际货运代理和运输管理)	4	Tiếng Việt								4		
Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 08 học phần)			8									4	4	
43	SWD341 (CN)	Vận hành kho và phân phối thông minh (智能仓储和配送运营)	4	Tiếng Trung										
44	STO341 (CN)	Vận hành vận chuyển thông minh (智能交通运营)	4	Tiếng Trung										
45	DMA341 (CN)	Marketing số (数字营销)	4	Tiếng Trung										
46	ITA341 (CN)	Thuế (税收)	4	Tiếng Việt										
47	INP341 (CN)	Thanh toán quốc tế (国际支付)	4	Tiếng Trung										
48	ELO341 (CN)	Logistics điện tử (电子物流)	4	Tiếng Việt										
49	SCM341 (CN)	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử xuyên biên giới (跨境电商供应链管理)	4	Tiếng Trung										
50	INB341 (CN)	Kinh doanh quốc tế (国际业务)	4	Tiếng Trung										
II.4	LSC421 (CN)	Thực tập môn học CTĐT Logistics quốc tế (国际物流培训课程实习)	2	Tiếng Trung									2	
II.5	LSC441 (CN)	Thực tập tốt nghiệp CTĐT Logistics QT (国际物流培训项目毕业实习)	4	Tiếng Trung										4

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ																
					I		II		III		IV		V								
					1	2	3	4	5	6	7	8	9								
II.6	LSC904 (CN)	Khóa luận tốt nghiệp (毕业论文)	8	Tiếng Trung																	8
	<i>Sinh viên chọn 02 trong số 04 học phần tự chọn thay thế KLTN</i>		8																		8
51	CBM341 (CN)	Quản trị kinh doanh thương mại (商业管理)	4	Tiếng Trung/Tiếng Việt																	
52	SME341 (CN)	Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (中小企业管理)	4	Tiếng Trung/Tiếng Việt																	
53	SAM341 (CN)	Quản trị bán hàng (销售管理)	4	Tiếng Trung/Tiếng Việt																	
54	CRM341 (CN)	Quản trị quan hệ khách hàng (客户关系管理)	4	Tiếng Trung/Tiếng Việt																	
	<i>Khởi kiến thức hỗ trợ (Chọn 01 trong 04 học phần)</i>		4																		4
55	ITP341 (CN)	Tâm lý học (心理学)	4	Tiếng Việt																	
56	ITS341 (CN)	Xã hội học (社会学)	4	Tiếng Việt																	
57	DTB341 (CN)	Chuyển đổi số hoạt động doanh nghiệp (业务运营的数字化转型)	4	Tiếng Trung/Tiếng Việt																	
58	AAB341 (CN)	Ứng dụng AI trong doanh nghiệp (人工智能在商业中的应用)	4	Tiếng Trung																	
Tổng tín chỉ toàn khóa			120		6	8	21	18	17	12	12	12	14	12							

Đối với các sinh viên là người nước ngoài, các học phần Lý luận chính trị (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam) được giảng dạy và học bằng tiếng Trung/tiếng Việt. 

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo Thương mại điện tử xuyên biên giới dạy và học bằng Tiếng Trung Quốc trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/2004/QĐ-TTg ngày 02/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2528/QĐ-ĐHTN ngày 09/6/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1282/QĐ-ĐHTN ngày 06/4/2023 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên ban hành Quy định tổ chức và quản lý chương trình dạy và học bằng tiếng nước ngoài tại Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo số 707/TB-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 15/5/2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh Kết luận cuộc họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên (nhiệm kỳ 2020 - 2025);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo Thương mại điện tử xuyên biên giới dạy và học bằng Tiếng Trung Quốc trình độ đại học (gồm tài liệu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2025 (K22) của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Viện Trường Viện Đào tạo quốc tế và Trường các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *Am*

- Như điều 3 (đề t/h);

- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Đinh Hồng Linh

**CHUẨN ĐẦU RA VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
XUYÊN BIÊN GIỚI**

(Dạy và học bằng tiếng Trung Quốc)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 778/QĐ-ĐHK&QTKD-ĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025
của Hiệu trưởng trường ĐH Kinh tế và QTKD)*

I. Thông tin chung về Chương trình đào tạo

TT	Tiêu đề	Nội dung
1.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Việt)	Thương mại điện tử xuyên biên giới <i>(Dạy và học bằng tiếng Trung Quốc)</i>
2.	Tên chương trình đào tạo (Tiếng Trung Quốc)	跨境电子商务 (中文授课)
3.	Trình độ đào tạo	Đại học
4.	Ngành đào tạo	Thương mại điện tử
5.	Mã ngành	7340122
6.	Đối tượng tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
7.	Thời gian đào tạo chuẩn	4,5 năm
8.	Số tín chỉ tích lũy tối thiểu	120
9.	Đơn vị quản lý chương trình đào tạo	Viện Đào tạo Quốc tế
10.	Ngôn ngữ giảng dạy	Tiếng Trung (50%) + Tiếng Việt (50%)
11.	Website	http://iie.tueba.edu.vn/
12.	Thang điểm	Thang điểm 4
13.	Điều kiện tốt nghiệp	Theo Quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh
14.	Văn bằng tốt nghiệp	Tiếng việt: Cử nhân Thương mại điện tử Tiếng Trung: 电子商务学士
15.	Vị trí việc làm sau tốt nghiệp	Nền tảng thương mại điện tử: Quản lý gian hàng trực tuyến, dịch vụ khách hàng, tiếp thị số, phân tích dữ liệu. Công ty thương mại quốc tế: Quản lý xuất nhập khẩu, tuân thủ thương mại, điều phối logistics, phân tích thị trường. Tập đoàn đa quốc gia: Phát triển kinh doanh quốc tế, quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu, chiến

TT	Tiêu đề	Nội dung
		<p>lược tiếp thị xuyên biên giới.</p> <p>Tổ chức tài chính: Ngân hàng quốc tế, tài chính thương mại, giải pháp thanh toán thương mại điện tử, phân tích đầu tư.</p> <p>Cơ quan chính phủ: Phân tích chính sách thương mại, phát triển kinh tế, quản lý hải quan, dịch vụ ngoại giao.</p> <p>Công ty tư vấn: Chiến lược thương mại điện tử, chuyển đổi số, thâm nhập thị trường xuyên biên giới.</p> <p>Công ty công nghệ: Phát triển nền tảng thương mại điện tử, an ninh mạng cho giao dịch trực tuyến, đổi mới số.</p> <p>Khởi nghiệp: Thành lập và quản lý doanh nghiệp thương mại điện tử riêng.</p> <p>Giáo dục: Giảng dạy và đào tạo về thương mại điện tử và kinh doanh số.</p>
16.	Khả năng nâng cao trình độ	Người học có thể tiếp tục tham gia các chương trình đào tạo chuyên ngành sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) hoặc các chương trình đào tạo đại học, sau đại học khác tương đương.
17.	Chương trình đào tạo đối sánh	<ul style="list-style-type: none"> - Trong nước: CTĐT Thương mại điện tử của Trường Đại học Thương mại - Nước ngoài: CTĐT International E-Commerce của Zhejiang Gongshang University (Trung Quốc), CTĐT E-commerce của University of Southern Queensland (Úc)

II. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Thương mại điện tử xuyên biên giới có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn về thương mại điện tử xuyên biên giới; thành thạo ngoại ngữ, có kỹ năng sử dụng, ứng dụng các phần mềm và công nghệ thương mại điện tử mới nhất; có tư duy sáng tạo, có kiến thức thực tiễn; vận dụng được những kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về thương mại điện tử xuyên biên giới để tạo lập doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, xây dựng, quản trị và vận hành hoạt động thương mại điện tử nhằm phát triển hoạt động kinh doanh của các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế xã hội trong điều kiện hội nhập.

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Trang bị cho cử nhân Thương mại điện tử xuyên biên giới những kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, xã hội và nhân văn để vận dụng vào lĩnh vực thương mại điện tử. Có kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên môn sâu và kiến thức thực tiễn để tạo lập doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, xây dựng, quản trị và vận hành thương mại hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên môi trường điện tử trong điều kiện cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay và hội nhập quốc tế.

PO2. Trang bị cho sinh viên của ngành có kỹ năng và năng lực cơ bản để hoạch định chiến lược, xây dựng, thuế trong thương mại điện tử xuyên biên giới; hình thành kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác; khả năng tự học, sáng tạo; có năng lực ngoại ngữ và tin học; kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề, kỹ năng ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực thương mại điện tử xuyên biên giới nhằm đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.

PO3. Có lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, thái độ làm việc chuyên nghiệp, hiểu biết về các giá trị đạo đức và ý thức trách nhiệm công dân; có hiểu biết về văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; có khả năng chịu áp lực công việc cao; có sức khỏe; có ý thức học tập để nâng cao năng lực và trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

III. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) (Chương trình đào tạo bằng tiếng Trung Quốc)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
	Chuẩn đầu ra về kiến thức	
PLO1	Giải thích và vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý, pháp luật và xã hội trong lĩnh vực thương mại điện tử xuyên biên giới, logistics quốc tế và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu.	3
PI1.1	Giải thích các nguyên lý và nội dung cốt lõi về kinh tế, luật pháp và xã hội liên quan đến hoạt động thương mại điện tử quốc tế.	3
PI1.2	Vận dụng kiến thức liên ngành để phân tích bối cảnh và điều kiện thực thi thương mại xuyên biên giới.	3
PLO2	Vận dụng kiến thức chuyên sâu để lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và đánh giá các hoạt động kinh doanh quốc tế.	3
PI2.1	Xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh trong môi trường quốc tế.	3
PI2.2	Dự báo xu hướng, nhận diện cơ hội và rủi ro.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI2.3	Đánh giá hiệu quả các hoạt động và giải pháp quản trị kinh doanh.	3
PLO3	Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin và phần mềm chuyên dụng trong quản trị thương mại điện tử quốc tế.	3
PI3.1	Sử dụng thành thạo các công cụ tin học văn phòng trong xử lý công việc.	3
PI3.2	Vận hành các nền tảng thương mại điện tử và phần mềm chuyên dụng phục vụ kinh doanh.	3
PLO4	Hiểu biết và ứng dụng hiệu quả trí tuệ nhân tạo (AI) trong thương mại điện tử xuyên biên giới và logistics.	3
PI4.1	Trình bày được vai trò và các lĩnh vực ứng dụng của AI trong TMĐT	3
PI4.2	Áp dụng công cụ AI để tối ưu hóa các quy trình logistics và thương mại điện tử quốc tế.	3
	Chuẩn đầu ra về kỹ năng	
PLO5	Giao tiếp, đàm phán và hợp tác quốc tế bằng tiếng Trung trong môi trường chuyên môn.	3
PI5.1	Giao tiếp thành thạo trong các tình huống thương mại chuyên ngành bằng tiếng Trung.	3
PI5.2	Làm việc nhóm hiệu quả trong bối cảnh đa văn hóa.	3
PI5.3	Viết và trình bày các nội dung chuyên môn bằng tiếng Trung.	3
PLO6	Phát triển tư duy chiến lược, quản lý dự án và kỹ năng hội nhập quốc tế.	3
PI6.1	Hoạch định chiến lược dài hạn phù hợp với thị trường toàn cầu.	3
PI6.2	Thiết kế và quản lý các dự án thương mại điện tử quốc tế.	3
PI6.3	Thích ứng nhanh với sự thay đổi và hội nhập văn hóa.	3
PLO7	Tổ chức và vận hành hoạt động livestream bán hàng và thương mại điện tử xuyên biên giới.	3
PI7.1	Thiết kế nội dung và triển khai buổi livestream hiệu quả.	3
PI7.12	Vận hành và theo dõi các kênh bán hàng trực tuyến, xử lý đơn hàng và chăm sóc khách hàng.	3
PLO8	Hình thành kỹ năng khởi nghiệp và tạo việc làm trong thương mại điện tử quốc tế.	3

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực
PI8.1	Lên ý tưởng và triển khai kế hoạch khởi nghiệp.	3
PI8.2	Thiết lập và duy trì mạng lưới kết nối doanh nghiệp quốc tế.	3
	Chuẩn đầu ra về Mức tự chủ và trách nhiệm	
PLO9	Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và học tập suốt đời.	3
PI9.1	Tuân thủ các quy định pháp lý và đạo đức ngành nghề.	3
PI9.2	Chủ động học tập và cập nhật kiến thức chuyên ngành.	3
PLO10	Thích ứng, chịu áp lực và thể hiện phong cách làm việc chuyên nghiệp.	3
PI10.1	Rèn luyện thể chất và sức bền nghề nghiệp.	3
PI10.2	Làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong điều kiện áp lực.	3
PI10.3	Biểu hiện tính trung thực, sáng tạo, đam mê nghề nghiệp.	3

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ															
					I		II		III		IV		V							
					1	2	3	4	5	6	7	8	9							
	Bắt buộc		21																	
16	MIC231	Kinh tế vi mô (微观经济学)	3	Tiếng Việt		3														
17	MAE231	Kinh tế vĩ mô (宏观经济学)	3	Tiếng Việt			3													
18	BCN231	Tiếng Trung chuyên ngành (专门用途汉语)	3	Tiếng Trung			3													
19	MAN231	Quản trị học (管理学)	3	Tiếng Việt			3													
20	FAM231	Tài chính tiền tệ (货币金融)	3	Tiếng Việt				3												
21	GEM231	Marketing căn bản (基础营销)	3	Tiếng Việt				3												
22	ACT231	Nguyên lý kế toán (会计原则)	3	Tiếng Việt					3											
	Tự chọn (Sinh viên chọn 02 trong số 06 học phần)		8				4	4												
23	MDM241	Ra quyết định quản trị (管理决策)	4	Tiếng Việt																
24	MIS241	Hệ thống thông tin trong quản lý (管理信息系统)	4	Tiếng Việt																
25	ECO241	Kinh tế lượng (计量经济学)	4	Tiếng Việt																
26	LOB341	Pháp luật về chủ thể kinh doanh (商业实体法)	4	Tiếng Việt																
27	LGS341	Pháp luật thương mại hàng hóa và dịch vụ (货物和服务贸易法)	4	Tiếng Việt																
28	WBM241	Soạn thảo văn bản kinh doanh và quản lý (起草商业和管理文件)	4	Tiếng Việt																
II.2	Kiến thức ngành		24																	
	Bắt buộc		16																	
29	ECM341 (CN)	Thương mại điện tử (电子商务)	4	Tiếng Trung					4											
30	ECS341 (CN)	Chiến lược kinh doanh trong thương mại điện tử (电子商务商业策略)	4	Tiếng Trung						4										
31	ISS341 (CN)	An toàn và bảo mật thông tin (信息安全与保密)	4	Tiếng Việt					4											
32	BEW341 (CN)	Xây dựng website thương mại điện tử (电子商务网站建设)	4	Tiếng Việt						4										

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ									
					I		II		III		IV		V	
					1	2	3	4	5	6	7	8	9	
49	SCM341 (CN)	Quản trị chuỗi cung ứng trong thương mại điện tử xuyên biên giới (跨境电商电子商务供应链管理)	4	Tiếng Trung										
50	INB341 (CN)	Kinh doanh quốc tế (国际商务)	4	Tiếng Trung										
51	ORC341 (CN)	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp (商业道德与企业文化)	4	Tiếng Việt										
II.4	ECM421 (CN)	Thực tập môn học CTĐT TMĐT XBG (专业课程实习)	2	Tiếng Trung									2	
II.5	ECM441 (CN)	Thực tập tốt nghiệp CTĐT TMĐT XBG (毕业实习)	4	Tiếng Trung										4
II.6	ECM904 (CN)	Khóa luận tốt nghiệp (论文)	8	Tiếng Trung										8
	<i>Sinh viên chọn 02 trong số 04 học phần tự chọn thay thế KLTN</i>		8											8
52	CBM341 (CN)	Quản trị kinh doanh thương mại (商务管理)	4	Tiếng Trung/ Tiếng Việt										
53	SME341 (CN)	Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa (中小企业管理)	4	Tiếng Trung/ Tiếng Việt										
54	SAM341 (CN)	Quản trị bán hàng (销售管理)	4	Tiếng Trung/ Tiếng Việt										
55	CRM341 (CN)	Quản trị quan hệ khách hàng (客户关系管理)	4	Tiếng Trung/ Tiếng Việt										
	<i>Khối kiến thức bổ trợ (Chọn 01 trong 04 học phần)</i>		4										4	
56	ITP341 (CN)	Tâm lý học (心理学)	4	Tiếng Việt										
57	ITS341 (CN)	Xã hội học (社会学)	4	Tiếng Việt										
58	DTB341 (CN)	Chuyển đổi số hoạt động doanh nghiệp (企业数字化转型)	4	Tiếng Trung/ Tiếng Việt										



TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Ngôn ngữ giảng dạy	NĂM/ HỌC KỲ														
					I		II		III		IV		V						
					1	2	3	4	5	6	7	8	9						
59	AAB341 (CN)	Ứng dụng AI trong doanh nghiệp (人工智能在企业中的应用)	4	Tiếng Trung															
Tổng tín chỉ toàn khóa			120		6	8	21	18	17	12	12	14	12						

Đối với các sinh viên là người nước ngoài, các học phần Lý luận chính trị (Triết học Mác-Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam) được giảng dạy và học bằng tiếng Trung/ tiếng Việt. *Phụ*